

MỤC LỤC - TỔNG KẾT LỊCH SỬ ĐẢNG

CHƯƠNG 1: Cuối thế kỉ 19 - 1945 Trang 1

- Chủ đề 4.1: **Nêu các phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, sự khủng hoảng của đường lối cứu nước, phân tích nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước đó và yêu cầu đặt ra của lịch sử dân tộc là gì?** Trang 1
- Chủ đề 5: **Nội dung và ý nghĩa những tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc được truyền bá vào Việt Nam từ năm 1920 đến năm 1929 (= Chủ đề 8.1: Vai trò của đồng chí NAQ trong việc chuẩn bị tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng)** Trang 5
- Chủ đề 6: **Các yếu tố dẫn tới sự ra đời của Đảng và mối quan hệ giữa các yếu tố** Trang 8
- Chủ đề 7 + 9: **Cương lĩnh đầu tiên (T2-1930) và ý nghĩa của sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời + So sánh Luận cương chính trị 10/1930 với Cương lĩnh chính trị đầu tiên (6/1/1930) của Đảng**
..... Trang 12
- Chủ đề 8: **Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam** Trang 16
- Chủ đề 10: **Chủ trương của Đảng trong cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939. Thành quả và kinh nghiệm của cuộc vận động này.**
..... Trang 20
- Chủ đề 11: **Phân tích chủ trương chiến lược mới của Đảng trong giai đoạn 1939–1941** Trang 24
- Chủ đề 11.5: **Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung Chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ngày 12/3/1945, giá trị (tác dụng) của việc dự kiến 3 khả năng giành thắng lợi của chỉ thị đối với việc chớp đúng thời cơ của cách mạng tháng 8/1945?**
Trang 28

CHƯƠNG 2: 1945 - 1975 Trang 31

- Chủ đề 13.1: **Thuận lợi và khó khăn của Việt Nam sau cách mạng tháng 8/1945** Trang 31

• Chủ đề 13.3: Trình bày các biện pháp của Đảng để xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Làm rõ sự mềm dẻo, tài tình của Hồ Chủ tịch trong biện pháp ngoại giao đối với Tưởng và Pháp?	Trang 34
• Chủ đề 14: Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ của Đảng	Trang 40
• Chủ đề 19: Phân tích tính chất của xã hội miền Nam sau năm 1954 và nội dung cơ bản Nghị quyết 15 tháng 1/1959. Ý nghĩa của Nghị quyết này với cách mạng miền Nam.	Trang 45
• Chủ đề 20: Đại hội toàn quốc lần thứ III (1960)	Trang 48
• Chủ đề 20.1: Đường lối xây dựng CNXH do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9/1960). Vai trò của miền Bắc XHCN đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước	Trang 51
• Chủ đề 22: Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3/1965) và 12 (12/1965)	Trang 53
CHƯƠNG 3: 1975 - Nay	Trang 58
• Chủ đề 28: Làm rõ những bước đột phá trong đổi mới tư duy quản lý kinh tế của Đảng từ năm 1979 đến năm 1985 (Từ năm 1979 đến trước tháng 12 năm 1986)	Trang 60
• Chủ đề 32: Phân tích nội dung cơ bản của chủ trương đổi mới xây dựng nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Đại hội VI (12/1986)	Trang 64
• Chủ đề 33: Phân tích những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam được Đại hội VII (6/1996) đưa ra và Đại hội XI (1/2011) bổ sung, phát triển	Trang 67
• Chủ đề 35: Phân tích quan điểm, chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đại hội VIII (7/1996)	Trang 72
• Chủ đề 36: Phân tích luận điểm “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nông trí thức do Đảng lãnh đạo..” của Đại hội IX (4/2001). Để thực hiện được luận điểm đó, chúng ta phải làm gì?	Trang 77
• Chủ đề 37: Phân tích những bài học lớn của 20 năm đổi mới (1986 – 2006) được Đại hội X (4/2006) của Đảng đưa ra	Trang 82

- Chủ đề 38: **Phân tích những phương hướng cơ bản xây dựng CNXH ở Việt Nam của Cương lĩnh năm 2011 được Đại hội XI (1/2011) thông qua**
..... Trang 86
- Chủ đề 39: **Phân tích những thành tựu và hạn chế của công cuộc đổi mới vì CNXH do Đảng khởi xướng và lãnh đạo (2021 - ĐH XIII của Đảng)**
..... Trang 91
- Chủ đề 40: **Phân tích những kinh nghiệm chủ yếu của công cuộc đổi mới vì CNXH của Đảng. (Đại hội XIII - 2021)** Trang 95
- Chủ đề 41: **Phân tích những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa thời đại của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng** Trang 100
- Chủ đề 42: **(Bản thảo): Phân tích những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng với cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến năm 2021**
Trang 105

CHƯƠNG 1: Cuối thế kỉ 19 - 1945

Chủ đề 4.1. NÊU CÁC PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VIỆT NAM CUỐI THẾ KỈ XIX, ĐẦU THẾ KỈ XX, SỰ KHỦNG HOẢNG CỦA ĐƯỜNG LỐI CỨU NƯỚC, PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI CỦA CÁC PHONG TRÀO YÊU NƯỚC ĐÓ VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA CỦA LỊCH SỬ DÂN TỘC LÀ GÌ?

1. Hoàn cảnh:

a. Hoàn cảnh quốc tế

*Khó khăn:

Chủ nghĩa TB từ tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn độc quyền (CNDQ) bắt đầu đi xâm lược.

→ Mâu thuẫn giữa vô sản với tư sản → Chống CNDQ giành độc lập dân tộc là nội dung chính của phong trào cách mạng thế giới

*Thuận lợi:

Cách mạng tháng 10 Nga thành công tác động đến toàn thế giới.

Chủ nghĩa Mac-lenin là thế giới quan, hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân.

b. Tình hình Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Việt Nam đã có sự biến đổi rất quan trọng cả về chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội.

Thực dân Pháp xâm lược, triều Nguyễn đã đầu hàng dâng nước ta cho Pháp dưới ách thống trị của Pháp về 3 mặt:

Chuyên chế về chính trị

Kìm hãm về kinh tế

Nô dịch về văn hóa

→ Làm cho nhân dân Việt Nam mất hết quyền tự do dân chủ, kinh tế què quặt phiến diện lệ thuộc vào Pháp (hơn 90% dân số mù chữ)

→ Chính sách cai trị của thực dân Pháp và chính quyền tay sai đã phân hóa giai cấp, tạo ra tầng lớp mới với thái độ chính trị khác nhau. Mâu thuẫn xã hội Việt Nam chuyển từ mâu thuẫn nông dân với địa chủ phong kiến sang mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp (mâu thuẫn cơ bản nhất).

→ Mâu thuẫn này trở nên ngày càng gay gắt, nhân dân Việt Nam đứng lên đấu tranh giành chính quyền, các phong trào yêu nước diễn ra sôi nổi trên khắp cả nước.

2. Các phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Các phong trào theo lập trường phong kiến (1858-1896) tiêu biểu là các phong trào như Cần Vương, khởi nghĩa Hương Khê, Yên Thế do các văn thân, sĩ phu yêu nước lãnh đạo.

- **Phong trào Cần Vương do Tôn Thất Thuyết đứng đầu:** Tôn Thất Thuyết ra chiếu Cần Vương kêu gọi cả nước đứng lên, vì vua mà kháng chiến. Mô hình của trào lưu này còn riêng rẽ và mang tính địa phương.
- **Khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh):** Do Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo đẩy lùi nhiều cuộc càn quét của địch. Phan Đình Phùng hi sinh đánh dấu sự chấm dứt cuộc khởi nghĩa lớn nhất của phong trào Cần Vương.
- **Khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang):** Do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, là một cuộc đấu đầu vũ trang giữa những người nông dân bị nạn với quân Pháp ở vùng Yên Thế Thượng, sau này mở rộng ra Thái Nguyên.

=> Các phong trào theo lập trường phong kiến đều thất bại chứng tỏ sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến trong việc giải quyết nhiệm vụ dân tộc lập cho lịch sử đặt ra và từ đây phong trào cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới.

Các phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản (1897-1918) và (1919-1930) do Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,... Lãnh đạo, tiêu biểu là phong trào Đông Du, phong trào Duy Tân và phong trào của Việt Nam Quốc dân Đảng.

- *Xu hướng bạo động do Phan Bội Châu tổ chức*
Phong trào Đông Du: Đưa thanh niên sang Nhật học, mong muốn bạo động kháng Pháp. Tuy nhiên, Nhật câu kết Pháp trục xuất du học sinh, phong trào thất bại.
- *Xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh*
Phong trào Duy Tân: Đề cao khai dân trí, cải cách thay vì bạo động nhưng phong trào này cũng thất bại do bị thực dân Pháp đàn áp.

Trường Đông Kinh Nghĩa Thục: Do Lương Văn Can, Nguyễn Quyền thành lập, truyền bá tư tưởng dân chủ, tự do tư sản. Sau đó đã bị thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa vào 1907.
- *Phong trào của tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng*

Việt Nam Quốc dân Đảng: Do Nguyễn Thái Học lãnh đạo, đánh đuổi Pháp, giành độc lập dân tộc nhưng cũng thất bại do bị thực dân Pháp đàn áp.

Khởi nghĩa Yên Bái: Khởi nghĩa nổ ra nhanh chóng với khẩu hiệu “Không thành công cũng thành nhân” nhưng cũng rất nhanh đã thất bại.

=> Các phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản đã diễn ra liên tục, sôi nổi, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú, thể hiện ý thức dân tộc, tinh thần chống đế quốc của giai cấp tư sản ở Việt Nam song cũng đều thất bại.

Việt Nam rơi vào khủng hoảng về đường lối. Lịch sử đặt ra yêu cầu có một con đường mới chống đế quốc giành độc lập.

2. Nguyên nhân thất bại và nhận xét yêu cầu lịch sử

a) Nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước

- **Thiếu đường lối đúng đắn:** Các phong trào chủ yếu chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng phong kiến hoặc dân chủ tư sản, chưa có một hệ tư tưởng cách mạng triệt để và khoa học.

+ Đường lối đấu tranh có những hạn chế: phong trào diễn ra theo hai xu hướng bạo động (Phan Bội Châu là người đại diện) và cải cách (Phan Châu Trinh là người đề xướng và đại diện). Tuy nhiên cả hai xu hướng đều mới chỉ nhìn thấy một trong hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam thuộc địa (hoặc là mâu thuẫn dân tộc, hoặc là mâu thuẫn giai cấp) nên chỉ chủ trương chống Pháp hoặc chống phong kiến; chưa xác định được động lực cách mạng;...

- **Thiếu tổ chức lãnh đạo thống nhất:** Các cuộc khởi nghĩa mang tính địa phương, rời rạc, không có một tổ chức trung ương vững mạnh để điều phối và chỉ đạo.

+ Lãnh đạo phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX là các sĩ phu yêu nước, tiến bộ. Họ vốn là các sĩ phu Nho học, nên khi tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản, nhận quan chính trị của họ còn hạn chế, thiếu hệ thống, thiếu tính chính xác.

- **Phương pháp đấu tranh chưa phù hợp:** Chủ yếu dựa vào khởi nghĩa vũ trang hoặc cầu viện ngoại bang, trong khi thực dân Pháp có tiềm lực quân sự mạnh và hệ thống cai trị chặt chẽ.

- **Thực dân Pháp đàn áp tàn bạo:**

+ Thực dân Pháp mạnh hơn về quân sự và kinh tế: Với ưu thế về vũ khí, chiến thuật hiện đại, thực dân Pháp dễ dàng đàn áp các cuộc khởi nghĩa.

+ Chính sách cai trị hà khắc và thủ đoạn đàn áp: Pháp dùng nhiều biện pháp như chia rẽ lực lượng kháng chiến, đàn áp tàn bạo, mua chuộc quan lại phong kiến.

b) Yêu cầu lịch sử đặt ra đối với cách mạng Việt Nam:

+ Cần có một tổ chức cách mạng tiên phong

+ Cần có một đường lối cứu nước đúng đắn

CHƯƠNG 1 (cuối TK19 - 1945)

Chủ đề 5: Nội dung và ý nghĩa những tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc được truyền bá vào Việt Nam từ năm 1920 đến năm 1929 (= Chủ đề 8.1: Vai trò của đồng chí NAQ trong việc chuẩn bị tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng)

1. Hoàn cảnh:

a. Hoàn cảnh quốc tế

Khó khăn:

CNTB từ tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn độc quyền (CNDQ) bắt đầu đi xâm lược

→ mâu thuẫn giữa vô sản với tư sản → chống CNDQ giành độc lập dân tộc là nội dung chính của phong trào cách mạng thế giới

Thuận lợi:

Cách mạng tháng 10 Nga thành công tác động đến toàn thế giới

Chủ nghĩa Mac-lenin là thế giới quan, hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân.

b. Tình hình Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Việt Nam đã có sự biến đổi rất quan trọng cả về chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội.

- Thực dân Pháp xâm lược, triều Nguyễn đã đầu hàng dâng nước ta cho Pháp dưới ách thống trị của Pháp về 3 mặt:

- Chuyên chế về chính trị
- Kìm hãm về kinh tế
- Nô dịch về văn hóa

→ Làm cho nhân dân Việt Nam mất hết quyền tự do dân chủ, kinh tế què quặt phiến diện lệ thuộc vào Pháp (hơn 90% dân số mù chữ)

→ mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp (mâu thuẫn cơ bản nhất).

→ Nhân dân Việt Nam đứng lên chống Pháp, các phong trào yêu nước diễn ra sôi nổi đều thất bại, rơi vào tình trạng khủng hoảng về đường lối. Lịch sử đặt ra yêu cầu có con đường mới chống đế quốc giành độc lập. Vì vậy, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng.

2. Những tư tưởng cách mạng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc (Vai trò của đồng chí Nguyễn Quốc trong việc chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập đảng)

Quá trình vận động thành lập Đảng là một quá trình đấu tranh và chuẩn bị lâu dài, toàn diện của Nguyễn Ái Quốc và những người cách mạng Việt Nam, Trong đó người có vai trò quan trọng hàng đầu, lớn nhất là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Sau khi trở thành người cộng sản, NAQ tích cực chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng.

a. Chuẩn bị về tư tưởng

Người đã viết và cho xuất bản nhiều sách, báo, tác phẩm tiêu biểu như: *Người cùng khổ*, *Bản án chế độ thực dân Pháp*(1925), *Đường Kách Mệnh*(1927)...

Thông qua những bài báo, những tác phẩm Người truyền bá những tư tưởng Cách mạng lớn vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng.

b. Chuẩn bị về chính trị

Nguyễn Ái Quốc đã phác thảo những vấn đề cơ bản của đường lối cứu nước đúng đắn cho Cách mạng Việt Nam:

- Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc, không có con đường cứu nước nào ngoài con đường Cách mạng vô sản.
- Chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là thù, nhân dân lao động ở đâu cũng là bạn.
- Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa có tính chủ động, sáng tạo, có thể giành thắng lợi trước Cách mạng vô sản ở “chính quốc” và có thể giúp đỡ Cách mạng “chính quốc” giành thắng lợi.
- **Chiến lược Cách mạng:** Tiến hành tư sản dân quyền
- **Nhiệm vụ của cách mạng:** chống đế quốc và phong kiến, giành độc lập dân tộc, ruộng đất cho nhân dân, thực hiện khẩu hiệu độc lập dân tộc, người cày có ruộng và tiến tới xã hội cộng sản.
- **Lãnh đạo Cách mạng:** Đảng cộng sản Việt Nam, đội quân tiên phong của giai cấp vô sản sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng. Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt.
- **Lực lượng Cách mạng:** Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức. Đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản phải lợi dụng hoặc trung lập;

nông dân và công nhân - 2 lực lượng cơ bản, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo.

- **Phương pháp cách mạng:** sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng, trong bất kì hoàn cảnh nào cũng không được thỏa hiệp “ không khi nào nhân nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp”.
- **Đoàn kết quốc tế:** Thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc đồng thời tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp. Cách mạng Việt Nam liên lạc mật thiết và là bộ phận của cách mạng thế giới.

3. Ý nghĩa, nhận xét:

a. Ý nghĩa sự ra đời của đảng.

Đảng ra đời là một bước ngoặt trọng đại:

- Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng
- Chứng tỏ giai cấp công nhân VN đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng. Phong trào chuyển hẳn sang tự giác.
- Với đường lối đúng đắn, Đảng đã đưa cách mạng VN đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đảng ra đời là một tất yếu khách quan/ lịch sử (nếu nhiều thời gian hãy viết):

- Là kết quả của quá trình đấu tranh dân tộc và giai cấp trong thời đại mới
- Là kết quả của việc chuẩn bị công phu, chu đáo, tích cực của đồng chí Nguyễn Ái Quốc về tư tưởng, chính trị, và tổ chức
- Đảng ra đời là sự kết hợp biện chứng giữa 3 nhân tố: Chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước VN cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20.

b. Nhận xét về vai trò công lao to lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam - Con đường Cách mạng Vô sản, truyền bá tư tưởng Mác - Lênin về Việt Nam và chuẩn bị tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng.

CHƯƠNG 1 (cuối TK 19 – 1945)

CHỦ ĐỀ 6: CÁC YẾU TỐ DẪN TỚI SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC YẾU TỐ

1. Hoàn cảnh lịch sử (Tình hình Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20)

a, Tình hình thế giới:

- CNTB chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền, CNDQ bắt đầu xâm lược các nước
- Cách mạng Tháng 10 Nga thành công tác động toàn thế giới.

b, Tình hình Việt Nam:

- Thực dân Pháp xâm lược nước ta
- Triều Nguyễn đầu hàng dâng nước ta cho Pháp, nước ta dưới ách thống trị của Pháp về 3 mặt: *chuyên chế về chính trị, kìm hãm về kinh tế, nô dịch về văn hóa*
- Nhân dân Việt Nam mất hết quyền tự do dân chủ, kinh tế què quặt, phiến diện, lệ thuộc vào Pháp (>90% dân số mù chữ, nhân dân Việt Nam vô cùng căm thù TD Pháp)

=> Hàng loạt phong trào yêu nước theo tư tưởng phong kiến và theo khuynh hướng tư sản nổ ra ở khắp nơi nhưng đều thất bại

à Vì vậy, ngày 5/6/1911 đồng chí Nguyễn Ái Quốc phải ra đi tìm đường cứu nước

- Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc "*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*" của Lênin và từ tư tưởng đó, Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam, đó là con đường cách mạng vô sản.
- Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tích cực chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho việc thành lập Đảng ở Việt Nam.
- Nửa cuối năm 1929, ở Việt Nam đã xuất hiện 3 tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng Sản liên đoàn. Khi các tổ chức cộng sản ra đời ở ba kỳ, xuất hiện tình trạng phân tán, chia rẽ lực lượng cách mạng Việt Nam.
- Trước tình hình đó, từ 6/1 đến 7/2/1930, Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam.
- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

2. Các yếu tố dẫn tới sự ra đời của Đảng

a, Chủ nghĩa Mác Lê-nin: (chủ đề 5: tìm đường cứu nước, truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin)

- Những luận điểm của Lê-nin trong "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa" đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc.

- Sau khi xác định được con đường cách mạng đúng đắn, Nguyễn Ái Quốc tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về Việt Nam, làm chuyển biến nhận thức của quần chúng nhân dân, đặc biệt là giai cấp công nhân.

- Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản.
- Chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là thù, nhân dân lao động ở đâu cũng là bạn
- Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa có tính chủ động, sáng tạo, có thể dành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc và có thể giúp đỡ cách mạng ở chính quốc giành thắng lợi
- Lãnh đạo cách mạng: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mà lãnh đạo được dân chúng”.
- Lực lượng cách mạng: Đảng phải thu phục được đại bộ phận dân cày...hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông...để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”.
- Phương pháp cách mạng: con đường bạo lực cách mạng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được thỏa hiệp.
- Đoàn kết quốc tế: Cách mạng Việt Nam liên lạc mật thiết và là 1 bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

b, Phong trào công nhân: (Sự chuẩn bị về tổ chức)(Chủ đề 8.2)

*** Trước năm 1925**

Phong trào diễn ra còn lẻ tẻ tự phát, song ý thức giai cấp đã phát triển lên rõ rệt, chưa có sự phối hợp giữa công nhân các ngành và địa phương, mục tiêu đấu tranh chủ yếu vẫn là đòi quyền lợi kinh tế hàng ngày. Mở đầu là cuộc bãi công của thủy thủ Hải Phòng, Sài Gòn đòi phụ cấp đắt đỏ.

*** Năm 1925**

Tháng 8 năm 1925, cuộc bãi công của thợ máy sửa chữa tàu thủy của xưởng Ba Son (Sài Gòn) đã ngăn không cho tàu Pháp đưa lính sang tham gia đàn áp cuộc đấu tranh cách mạng của nhân

dân Trung Quốc và các thuộc địa Pháp ở Châu Phi. Sự kiện đó, đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam, giai cấp công nhân nước ta từ đây bước đầu đi vào đấu tranh tự giác.

*** Từ 1925 đến 1929:**

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân trong thời gian này nổ ra liên tục, rộng khắp, có sự phối hợp và có sự lãnh đạo khá chặt chẽ, phong trào đấu tranh với nhiều hình thức, ngoài mục tiêu kinh tế, phong trào thời kỳ này mang hình thức đấu tranh chính trị, mang tính tự giác. Tiêu biểu là cuộc bãi công của 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, đa số xuất thân từ giai cấp nông dân, có quan hệ trực tiếp và chặt chẽ với giai cấp nông dân, bị đế quốc, phong kiến áp bức bóc lột; kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng, bất khuất của dân tộc; sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tuy rằng giai cấp công nhân Việt Nam còn rất trẻ chiếm 1% dân số nhưng lực lượng này đã được tiếp thu được ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới, ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin và cách mạng tháng Mười Nga, sớm trở thành một lực lượng chính trị độc lập, có đủ điều kiện và năng lực để lãnh đạo cách mạng.

*** Khi Đảng ra đời:** đánh dấu chuyển mình của giai cấp công nhân từ tự phát sang tự giác hoàn toàn.

Phong trào đấu tranh của công nhân Vinh - Bến Thủy (1930-1931) là một trong những cuộc đấu tranh tiêu biểu nhất của giai cấp công nhân, góp phần quan trọng vào cao trào Xô Viết Nghệ-Tĩnh. Ngày 1/5/1930 và 9/9/1930, tổng cộng hơn 9000 công nhân và nông dân biểu tình đòi quyền lợi, nhưng bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu. Dù thất bại, phong trào thể hiện tinh thần đoàn kết giữa công nhân và nông dân, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và đặt nền móng cho các cuộc đấu tranh cách mạng về sau.

c. Phong trào yêu nước: (Chủ đề 8.1)

Đến năm 1884, mặc dù triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng, nhưng một bộ phận phong kiến yêu nước cùng với nhân dân tiếp tục đứng lên

*** Phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến: giai đoạn 1885 – 1896**

- Phong trào Cần Vương do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng

- Khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hóa); Bãi Sậy (Hưng Yên); Hương Khê (Hà Tĩnh).. diễn ra sôi nổi, thể hiện tinh thần quật cường của nhân dân
- Phong trào nông dân Yên Thế (Bắc Giang) dưới sự lãnh đạo của Hoàng Hoa Thám (tuy nhiên vẫn mang nặng cốt cách phong kiến)
- Khởi nghĩa của Phan Đình Phùng là dấu mốc chấm dứt vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến đối với phong trào yêu nước chống thực dân Pháp ở Việt Nam

*** Phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng tư sản**

- Xu hướng bạo động của Phan Bội Châu (Phong trào Đông Du - đưa thanh niên yêu nước Việt Nam sang Nhật Bản học tập)
- Xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh (Phong trào Duy Tân - chủ trương cải cách đất nước)
- Phong trào tiểu tư sản trí thức của tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng (12/1927 - 2/1930) do Nguyễn Thái Học lãnh đạo (phương pháp đấu tranh vũ trang theo lối manh động)

=> *Nguyên nhân thất bại:*

- Hệ tư tưởng phong kiến lỗi thời, còn thiếu đường lối, phương pháp lãnh đạo đúng đắn
- Lãnh đạo phong trào không phải giai cấp tư sản, kẻ thù hơn ta về mọi mặt, phương thức đấu tranh vũ trang nhưng không có sự liên kết chặt chẽ
- Hệ thống tổ chức thiếu chặt chẽ, không lôi cuốn được các tầng lớp tham gia dẫn đến rơi vào khủng hoảng

à Lịch sử Việt Nam đặt ra yêu cầu: Cần có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

3. Ý nghĩa sự ra đời của Đảng, mối quan hệ giữa 3 nhân tố: Chủ nghĩa Mác Lê-nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước trong việc thành lập Đảng

a. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng

*** Đảng ra đời là một bước ngoặt trọng đại**

- Chấm dứt khủng hoảng về đường lối cứu nước
- Chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng, phong trào công nhân chuyển hẳn sang tự giác.

- Với đường lối đúng đắn, Đảng đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

*** Đảng là một tất yếu lịch sử**

- Là kết quả của quá trình đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp trong thời đại mới.
- Là kết quả của việc chuẩn bị công phu, chu đáo, tích cực của đồng chí Nguyễn Ái Quốc về tư tưởng chính trị và tổ chức
- Đảng ra đời là sự kết hợp biện chứng giữa 3 nhân tố: chủ nghĩa Mác Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam (cuối thế kỷ 19 – đầu thế kỷ 20).

b. Mối quan hệ giữa 3 nhân tố

- Việc kết hợp Chủ nghĩa Mác Lê-nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước là một tất yếu lịch sử. Việc kết hợp điểm mạnh của 3 nhân tố đó đã tạo nên sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt cho việc thành lập nên chính đảng của giai cấp vô sản tại Việt Nam.
- Chủ nghĩa Mác Lê-nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước có mối quan hệ biện chứng với nhau, gắn bó, tác động nhau cùng phát triển. - Các nhà nghiên cứu khẳng định Chủ nghĩa Mác Lênin như một hạt giống tốt được gieo trên một mảnh đất màu mỡ là phong trào công nhân và phong trào yêu nước, cuối cùng nảy mầm và đơm hoa kết trái và ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày mừng 3 tháng 2 năm 1930.
- Các Đảng Cộng sản trên thế giới ra đời là kết hợp 2 nhân tố Chủ nghĩa Mác Lênin và phong trào công nhân nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết hợp 3 nhân tố. Đó là quy luật của Việt Nam và phong trào yêu nước là nét đặc thù.
- Việc kết hợp phong trào công nhân và phong trào yêu nước là sự sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh bổ sung vào học thuyết Mác – Lênin về xây dựng đảng, từ đó dẫn tới hệ luận điểm: *“không phải mọi người yêu nước đều là cộng sản, nhưng việc tiếp nhận đường lối của Đảng cộng sản lại là điều kiện cần thiết để xác định được mục tiêu yêu nước đúng đắn; còn mỗi người cộng sản trước hết phải là người yêu nước, hơn nữa phải là người yêu nước tiêu biểu, phải thường xuyên truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, quan điểm, đường lối của Đảng trong nhân dân và lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối đó”*.

CHƯƠNG 1: CUỐI THẾ KỶ 19 - 1945

Chủ đề 7: Cương lĩnh đầu tiên (T2- 1930) và ý nghĩa của sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

1. Hoàn cảnh ra đời của cương lĩnh tháng 2/1930

* Thế giới

- + Chủ nghĩa tư bản chuyển đổi từ tự do cạnh tranh sang độc quyền (Chủ nghĩa đế quốc), và bắt đầu đi xâm lược các nước, nhằm biến các nước trở thành các nước thuộc địa.
- + Cách mạng tháng 10 Nga thành công tác động đến toàn thế giới.

* Trong nước

- + Thực dân Pháp thực hiện nhiều chính sách tàn bạo với nhân dân ta trên nhiều mặt về chính trị, văn hóa, kinh tế dẫn tới việc nhiều phong trào nổi lên.
- + Khi phong trào phát triển quá mạnh mẽ, **Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên** không còn đủ sức lãnh đạo, bị phân hóa, dẫn tới yêu cầu thành lập một chính đảng duy nhất.
- + **Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản** diễn ra tại **Cửu Long, Hồng Kông (6/1 - 7/2/1930)** dưới sự chủ trì của **Nguyễn Ái Quốc**, thảo luận và thông qua hai văn kiện "**Chánh cương vắn tắt**" và "**Sách lược vắn tắt**", trở thành **Cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam**.

2. Nội dung cương lĩnh (6 nội dung)

* Phương hướng chiến lược: làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để tiến tới xã hội cộng sản

* Nhiệm vụ của Cách mạng:

- + Về chính trị: Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp; đánh đổ bọn phong kiến; giành độc lập dân tộc; lập chính phủ công-nông-binh, tổ chức quân đội công - nông.
- + Về kinh tế: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; thu hết sản nghiệp lớn (công nghiệp, vận tải, ngân hàng,..) của tư bản Pháp bàn giao cho Chính phủ quản lý; thu hết ruộng đất của đế quốc làm của công chia cho dân cày nghèo.
- + Về văn hóa - xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền; phổ thông giáo dục theo công nông hóa

* Lực lượng cách mạng: chủ yếu là công nhân và nông dân - hai lực lượng nòng cốt và cơ bản đông đảo trong xã hội góp phần to lớn vào công cuộc giải phóng dân tộc nước ta.

* Lãnh đạo cách mạng: giai cấp vô sản thông qua sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

* Phương pháp tiến hành cách mạng: Sử dụng bạo lực Cách mạng

* Mối quan hệ giữa Cách mạng Việt Nam với phong trào Cách mạng Thế giới:

- + Cách mạng Việt Nam là 1 bộ phận của cách mạng thế giới.
- + Cách mạng Việt Nam phải thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới “ nhất là giai cấp vô sản Pháp”

→ Những nội dung cốt lõi của Cương lĩnh không chỉ xác định đường lối cách mạng đúng đắn mà còn mang ý nghĩa to lớn, định hướng chiến lược cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

3. Ý nghĩa Cương lĩnh, Nhận xét về Cương lĩnh

a. Ý nghĩa Cương lĩnh

- **Đáp ứng được yêu cầu cơ bản và cấp bách, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.**
- **Ngọn cờ đoàn kết, vũ khí sắc bén của người cộng sản**
- **Thể hiện sự nhận thức, vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lênin**

→ Tuy mang ý nghĩa to lớn và định hướng đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, nhưng khi so sánh với Luận cương chính trị tháng 10/1930, có thể thấy sự khác biệt rõ rệt trong cách tiếp cận và xác định nhiệm vụ cách mạng.

Chủ đề 9: So sánh Luận cương chính trị 10/1930 với Cương lĩnh chính trị đầu tiên (6/1/1930) của Đảng

b. Điểm tương đồng trong việc giải quyết vấn đề chống đế quốc và chống phong kiến

- **Nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến**

Cả Cương lĩnh và Luận cương đều nhấn mạnh sự kết hợp giữa đấu tranh giải phóng dân tộc và đấu tranh giai cấp, trong đó giai cấp phong kiến và đế quốc là đối tượng cần phải lật đổ để xây dựng một xã hội mới.

- **Đoàn kết công nhân và nông dân**

Công nhân và nông dân là hai lực lượng chủ chốt trong cuộc đấu tranh cách mạng. Chính sách đoàn kết giữa công nhân và nông dân nhằm tạo thành lực lượng cách mạng mạnh mẽ để đối phó với đế quốc và PK.

- **Mối quan hệ quốc tế**

Cả hai văn kiện đều khẳng định mối quan hệ với phong trào cách mạng quốc tế, đặc biệt là sự ủng hộ của các lực lượng cách mạng quốc tế, nhất là Liên Xô, trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho Việt Nam.

Cương lĩnh chính trị tháng 2 năm 1930 và Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 đều nhấn mạnh sự cần thiết của việc tham gia vào phong trào cộng sản quốc tế.

- **Phương pháp đấu tranh: Đấu tranh vũ trang kết hợp với chính trị**

Cả hai văn kiện đều nhấn mạnh sự cần thiết phải kết hợp giữa đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị.

Tuy nhiên Luận cương tháng 10 năm 1930 đi vào chi tiết hơn về phương pháp đấu tranh vũ trang, nhưng cả hai đều thấy được tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng cách mạng, xây dựng đảng và tập hợp các tầng lớp nhân dân.

c. Điểm khác nhau giữa Cương lĩnh 3/2/1930 và Luận Cương 10/1930

STT	CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ	LUẬN CƯƠNG CHÍNH TRỊ
Xác định kẻ thù và nhiệm vụ, mục tiêu cách mạng	Cương lĩnh chính trị xác định kẻ thù, nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ giặc Pháp sau đó mới đánh đổ phong kiến và tay sai phân cách mạng.	Luận cương chính trị xác định kẻ thù là Đế quốc và phong kiến.
Lực lượng cách mạng	Cương lĩnh chính trị xác định lực lượng cách mạng là giai cấp công nhân và nông dân nhưng bên cạnh đó cũng phải liên minh đoàn kết với tiểu tư sản, lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trung nông, tiểu địa chủ.	Luận cương chính trị xác định giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh, là giai cấp lãnh đạo cách mạng, nông dân có số lượng đông đảo nhất, là một động lực mạnh của cách mạng.

Về cơ bản, Cương lĩnh chính trị và Luận cương chính trị có sự tương đồng và thống nhất về mặt nội dung trong đó cả 2 văn bản đều đã vạch ra phương hướng và nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, 2 văn bản trên cũng có một số điểm khác biệt.

Thứ nhất, về nhiệm vụ cách mạng thì Cương lĩnh 3/2 xác định nhiệm vụ quan trọng nhất của cách mạng Việt Nam là giành độc lập dân tộc, coi độc lập dân tộc là nền tảng để vươn đến các mục tiêu dân chủ, coi cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất là hai cuộc cách mạng riêng biệt cần tiến hành song song. Còn Luận cương gộp cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất làm một, Trần Phú coi vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền, qua đó đặt vấn đề giai cấp lên trên vấn đề dân tộc.

Về lực lượng Cách mạng, Cương lĩnh đặt công nhân, nông dân và tiểu tư sản tri thức làm nòng cốt, tranh thủ lực lượng tư sản dân tộc, trung phú nông. Luận cương coi công nhân và nông dân là động lực cách mạng chính, bỏ qua tiểu tư sản tri thức cùng các tầng lớp khác.

Cương lĩnh chính trị là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin với tư tưởng giải phóng dân tộc và tinh thần yêu nước, phù hợp với hoàn cảnh của nước Việt Nam thuộc địa đương thời. Cương lĩnh đã đưa ra một góc nhìn hoàn toàn mới cho cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Trong đó, lần đầu tiên trong một cuộc Cách mạng vô sản, vấn đề dân tộc, thuộc địa được ưu tiên đặt trên vấn đề giai cấp. Nhiệm vụ chống phong kiến phải phụ thuộc chặt chẽ vào nhiệm vụ chống đế quốc.

Cương lĩnh còn xác định lực lượng cách mạng là giai cấp công nhân, nông dân, xong cũng cần hết sức liên lạc với tiểu tư sản trí thức, trung nông, thanh niên, lôi kéo họ ủng hộ cách mạng. Đây là một tư tưởng rất mới, lần đầu tiên ở Việt Nam đặt ra vấn đề liên minh công nông làm nòng cốt của lực lượng cách mạng bao gồm toàn thể người dân Việt Nam yêu nước.

Chương I:

Chủ đề 8: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Hoàn cảnh .

a. Hoàn cảnh quốc tế.

● *Khó khăn:*

- CNTB từ tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn độc quyền (CNDQ) bắt đầu đi xâm lược

→ mâu thuẫn giữa vô sản với tư sản → chống CNDQ giành độc lập dân tộc là nội dung chính của phong trào cách mạng thế giới

● *Thuận lợi:*

- Cách mạng tháng 10 Nga thành công tác động đến toàn thế giới
- Chủ nghĩa Mác-lênin là thế giới quan, hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân.

b. Hoàn cảnh nước ta (Cuối thế kỷ 19 - 1930)

- Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, biến nước ta thành một nước thuộc địa nửa phong kiến.
- Từ đó, Việt Nam ta tồn tại 2 mâu thuẫn lớn, trong đó mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp là mâu thuẫn chủ yếu.
- Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhân dân ta chịu cảnh chuyên chế về chính trị, kìm hãm về kinh tế và nô dịch về văn hóa.
- Sự áp bức đó khiến lòng căm phẫn trong nhân dân ta dâng trào, nhiều phong trào yêu nước nổi lên theo lập trường phong kiến (1858-1896) và theo khuynh hướng dân chủ tư sản (1897-1930).
- Tuy nhiên, các phong trào này đều thất bại do sai lầm về đường lối và phương pháp đấu tranh. Thực chất là tìm một giai cấp tiên tiến lãnh đạo.
- Thực tiễn, lịch sử đặt ra yêu cầu cấp thiết là cần phải có một con đường mới để chống chủ nghĩa đế quốc và giành độc lập cho dân tộc.
- Nhận thức được điều đó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập đảng.

2. Nội dung.

a. Vai trò của đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong việc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho việc thành lập đảng.

Người đã viết các sách báo: Người cùng khổ, Nhân đạo, Đời sống nhân dân, Tạp chí Cộng sản, Báo Pravda Liên Xô,.....

*Về tư tưởng: Người đã truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin vào Việt Nam, làm chuyển biến nhận thức của quần chúng, đặc biệt là giai cấp công nhân.

*Về chính trị: Phác thảo những vấn đề cơ bản của đường lối cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam

- Muốn cứu nước giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản.

- + Giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng giai cấp, đường lối chính trị, cách mạng của Đảng phải hướng tới độc lập cho dân tộc tự do, hạnh phúc cho đồng bào, hướng tới xây dựng nhà nước mang lại quyền và lợi ích cho nhân dân.

- Chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là thù, nhân dân lao động ở đâu cũng là bạn.

- Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa có tính chủ động sáng tạo, có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở “chính quốc” và có thể giúp đỡ cách mạng “chính quốc” giành thắng lợi.

- Mối quan hệ giữa giải phóng cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản của chính quốc: cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở "chính quốc" có mối quan hệ chặt chẽ với nhau hỗ trợ cho nhau, nhưng cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở "chính quốc" mà có thể thành công trước cách mạng vô sản "chính quốc", góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng vô sản ở chính quốc

- Lãnh đạo cách mạng: Đảng Cộng sản Việt Nam

- + Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Đảng là lực lượng lãnh đạo.
- + Muốn lãnh đạo thì phải dựa vào sức mạnh quần chúng do vậy cách mạng phải đoàn kết tất cả các giai cấp, tầng lớp, lực lượng yêu nước “Đảng có vững cách mệnh mới thành công cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”.
- + Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam trong mọi hoạt động của Đảng.

- Lực lượng cách mạng:

- + Người chỉ rõ: “Công nông là gốc của cách mệnh còn học trò nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ,.....là bầu bạn cách mệnh của công nông”. Do vậy Người xác định rằng cách mạng “là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người”.

- Phương pháp cách mạng:

- + Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để giải phóng dân tộc, chứ không thể là con đường cải lương thỏa hiệp “không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào con đường thỏa hiệp”.

- Đoàn kết quốc tế:

- + Cách mạng Việt Nam là 1 bộ phận của cách mạng thế giới.

b. Vai trò của đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong việc chuẩn bị về tổ chức.

- Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc đào tạo cán bộ và thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc) với lực lượng nòng cốt chính là thành viên của nhóm Cộng sản đoàn.

- Vai trò của tổ chức Thanh Niên :

- + Truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin về Việt Nam.
- + Đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt.
- + Tích cực chuẩn bị về mọi mặt cho việc thành lập chính Đảng ở Việt Nam.

- Đặc biệt sau phong trào “Vô sản hóa”, tổ chức Thanh Niên hoạt động rất mạnh mẽ vì thể phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ.

- + Những người yêu nước trở thành những người Cộng Sản.
- + Phong trào công nhân chuyển từ tự phát sang tính chất tự giác, mở đầu bằng phong trào công nhân Ba Son diễn ra vào tháng 8/1925. Cuộc bãi công của hơn 1000 công nhân Ba Son đòi tăng lương 20% và giữ chế độ nghỉ nửa giờ trong ngày lĩnh lương hằng tháng. Tiến hành cuộc bãi công trên, công nhân Ba Son còn thực hiện được ý đồ kéo dài thời gian sửa chữa chiến hạm Mi-so-lê của Pháp nhằm ngăn chặn không cho thực dân Pháp chở lính sang đàn áp cách mạng Trung Quốc. Phong trào công nhân Ba Son đã tạo nên tiếng vang lớn trên diễn đàn quốc tế và tác động tích cực đến phong trào công nhân trong cả nước, đặc biệt là ở Sài Gòn - Gia Định.

- Hội nghị thành lập Đảng được tiến hành từ 6/1 đến 7/2/1930 tại một xóm thợ nghèo ở Cửu Long, Hồng Kông, Trung Quốc. Hội nghị nhất trí thông qua 5 điểm lớn :

- + Bỏ qua mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản ở Đông Dương.
- + Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam.
- + Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược.
- + Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước.
- + Cử 1 Ban chỉ huy Trung ương lâm thời gồm 9 người trong đó có 2 đại biểu chi bộ Cộng sản Trung Quốc ở Đông Dương.

- Đảng ra đời và thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên.

3. Ý nghĩa, nhận xét.

a. Ý nghĩa sự ra đời của Đảng.

- *Đảng ra đời là một bước ngoặt trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam vì:*
 - Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước.
 - Chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng, phong trào chuyển hẳn sang tự giác.

- Với đường lối cách mạng đúng đắn, Đảng CSVN đã đưa cách mạng Việt nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.
- *Đảng ra đời là một tất yếu khách quan lịch sử:*
- Là kết quả của quá trình đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp trong thời đại mới.
- Là kết quả của quá trình chuẩn bị một cách công phu, chu đáo, tích cực của đồng chí Nguyễn Ái Quốc về tư tưởng, chính trị và tổ chức.
- Đảng ra đời là sự kết hợp biện chứng giữa 3 nhân tố: chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước ở Việt Nam.

b. Nhận xét về vai trò công lao to lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

- Tác giả Hồng Thệ Công (Hà Huy Tập) đã khẳng định cống hiến của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự kiện thành lập Đảng: “ Công lao to lớn của đồng chí là đã tập hợp được các lực lượng cộng sản phân tán lại thành một khối, nhờ đó mà đưa lại cho những người lao động Đông Dương một đội tiên phong chiến đấu và kiên quyết cách mạng ”.
- Nhờ sự chuẩn bị chu đáo của Nguyễn Ái Quốc về tư tưởng, chính trị và tổ chức, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chính thức ra đời, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

Nhóm 6

CHƯƠNG 1 : Cuối TK19 - 1945

Chủ đề 10 : Chủ trương của Đảng trong cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939. Thành quả và kinh nghiệm của cuộc vận động này.

1. Hoàn cảnh lịch sử 1936 – 1939

a. Hoàn cảnh quốc tế

- Để giải quyết những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, giai cấp tư sản ở một số nước như Đức, Italia, Tây Ban Nha... chủ trương dùng bạo lực đàn áp phong trào đấu tranh trong nước và chuẩn bị phát động chiến tranh thế giới để chia lại thị trường.
- Tháng 7/1935, Quốc tế Cộng sản họp Đại hội VII tại Matxcơva (Liên Xô), xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là phát xít. Đại hội VII Quốc tế cộng sản đã nêu lên vấn đề cơ bản cách mạng thế giới giúp cho các nước thuộc địa có hướng đi đúng đắn.
- Tháng 6-1936, Chính phủ Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp thi hành cải cách tiến bộ ở thuộc địa. Chính phủ của mặt trận nhân dân Pháp còn cử phái viên sang điều tra và nói rộng một số quyền tự do, dân chủ tối thiểu, tình hình đó mở ra khả năng đấu tranh dân chủ công khai của phong trào cách mạng nước ta.

b. Hoàn cảnh trong nước

- Cuộc khủng hoảng kinh tế vẫn tiếp tục tác động sâu sắc không chỉ với những người lao động mà còn ảnh hưởng cả đến những nhà tư sản và địa chủ vừa và nhỏ.
- Ban cầm quyền phản động ở Đông Dương ra sức vơ vét, bóc lột, bóp nghẹt tự do dân chủ, thi hành chính sách đàn áp, khủng bố phong trào đấu tranh của nhân dân ta.
- Các giai cấp, tầng lớp mặc dù có quyền lợi song đều căm thù thực dân Pháp. Mọi tầng lớp xã hội đều mong muốn có những cải cách dân chủ.
- Hệ thống tổ chức của Đảng và các cơ sở cách mạng của quần chúng đã được khôi phục

Do hoàn cảnh thế giới và trong nước có sự thay đổi nên Đảng ta đã có chủ trương mới trong giai đoạn 1936 – 1939.

2. Chủ trương, thành quả và kinh nghiệm của đảng trong giai đoạn 1936 – 1939

a. Chủ trương

- Xác định yêu cầu bức thiết của nhân dân lúc này là tự do, dân chủ, cải thiện đời sống.
- Kẻ thù trước mắt và nguy hại nhất là bọn phản động thuộc địa và tay sai: “Các Hội nghị lần thứ ba (3/1937) và lần thứ tư (9/1937) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn sâu hơn về công tác tổ chức của Đảng, quyết định chuyển mạnh hơn nữa về phương pháp tổ chức và hoạt động để tập hợp đông đảo quần chúng trong mặt trận chống phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình”
- Nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình: “lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi chính để bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ”
- Quyết định thành lập mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương (7/1936), sau đổi thành mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương, gọi tắt là mặt trận dân chủ Đông Dương (3/1938).
- Về hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh, chuyển từ bí mật không hợp pháp sang công khai và nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp song giữ vững nguyên tắc củng cố và tăng cường tổ chức và hoạt động bí mật của Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo của tổ chức Đảng bí mật với những tổ chức và hoạt động công khai.
- Về đoàn kết quốc tế, để cô lập và chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chính, cần đoàn kết chặt chẽ với giai cấp vô sản Pháp và Đảng cộng sản Pháp, đồng thời đoàn kết với lực lượng tiến bộ trong chính giới Pháp...

b. Thành quả

- Cao trào 1936 – 1939 được đánh giá như cuộc tổng diễn tập lần thứ hai cho thắng lợi cách mạng tháng Tám
 - Các hình thức đấu tranh phong phú đa dạng được thể hiện:
 - . Mặt trận Dân chủ còn tổ chức các cuộc vận động tranh cử vào các Viện dân biểu Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương.
 - . Hưởng ứng chủ trương của Đảng, quần chúng sôi nổi tổ chức các cuộc mít tinh, hội họp để tập hợp “dân

nguyên”. Trong một thời gian ngắn, ở khắp các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, từ thành thị đến nông thôn đã lập ra các “Ủy ban hành động” để tập hợp quần chúng. Riêng ở Nam Kỳ có 600 ủy ban hành động.

- Đội quân chính trị được hình thành trong mặt trận dân chủ Đông Dương 1936 – 1939:
 - . Đảng phát động phong trào đấu tranh công khai của quần chúng, mở đầu bằng cuộc vận động lập “Ủy ban trừ bị Đông Dương đại hội” nhằm thu thập nguyện vọng quần chúng, tiến tới triệu tập đại hội đại biểu nhân dân Đông Dương.
 - . Các hình thức tổ chức quần chúng phát triển rộng rãi, bao gồm các hội tương tế, hội ái hữu. Trong những năm 1937-1938, Mặt trận Dân chủ còn tổ chức các cuộc vận động tranh cử vào các Viện dân biểu Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương.
- Quần chúng nhân dân và lực lượng lãnh đạo được tôi luyện qua thử thách của đấu tranh:
 - . Qua cuộc vận động dân chủ, đội quân chính trị quần chúng gồm hàng triệu người được tập hợp, giác ngộ và rèn luyện.
- Buộc Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh và dân chủ.
- Chủ nghĩa Mác - Lenin và các chủ trương, đường lối của Đảng đã được phổ biến, tuyên truyền một cách rộng rãi và công khai trong một thời gian dài thông qua sách báo và các hoạt động khác của phong trào dân chủ.
- Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng. Tổ chức Đảng được củng cố và phát triển.
- Cuộc vận động dân chủ đã làm cho trận địa và lực lượng cách mạng được mở rộng ở cả nông thôn và thành thị, chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám sau này.

c. Kinh nghiệm

Qua lãnh đạo phong trào giai đoạn 1936 – 1939, Đảng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm mới:

- Về chỉ đạo chiến lược:

- Giải quyết mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu trước mắt
- Về xây dựng một mặt trận:
 - thống nhất rộng rãi phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù nguy hiểm nhất
- Về hình thức hoạt động:
 - kết hợp các hình thức tổ chức bí mật và công khai để tập hợp quần chúng và các hình thức, phương pháp đấu tranh chức Đông Dương đại hội, đấu tranh nghị trường, trên mặt trận báo chí, đòi dân sinh, dân chủ, bãi công lớn của công nhân vùng mỏ (12-11-1936), kỷ niệm Ngày Quốc tế lao động 1-5.

Thực tiễn phong trào chỉ ra rằng: “Việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và hăng hái đấu tranh, và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng”

3. Ý nghĩa và nhận xét

a. Ý nghĩa

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể trước mắt của cách mạng.
- Đề ra các hình thức tổ chức và đấu tranh linh hoạt, thích hợp nhằm tập hợp và hướng dẫn quần chúng đấu tranh giành quyền lợi.
- Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được tăng cường, tổ chức Đảng được củng cố và phát triển, số lượng đảng viên càng thêm đông.

b. Nhận xét

- “Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 là một thời kỳ vận động quần chúng sôi nổi chưa từng thấy dưới thời Pháp thống trị... chuẩn bị những điều kiện để đưa quần chúng vào những trận chiến đấu quyết liệt mới trong thời kỳ 1940 – 1945” (Lê Duẩn).
- Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 như một cuộc tổng diễn tập chuẩn bị cho các giai đoạn tiếp theo.
- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể trước mắt của cách mạng.

Chương 1: (Cuối thế kỉ XIX - 1945)

Chủ đề 11: Phân tích Chủ trương chiến lược mới của Đảng trong giai đoạn 1939-1941

1. Hoàn cảnh lịch sử

a, Hoàn cảnh thế giới

- Năm 1939, Đức tấn công Ba Lan, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, lôi cuốn nhiều nước tham gia.
- Ở Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường khủng bố, bắt bớ, bóc lột nhân dân, mâu thuẫn giữa nhân dân Đông Dương và Pháp ngày càng sâu sắc.
- Năm 1940, Pháp đầu hàng Đức. Nhật kéo quân vào Đông Dương, nhân dân rơi vào cảnh “một cổ hai tròng” dưới sự thống trị của cả Pháp và Nhật.
- Năm 1941, Đức tấn công Liên Xô. Nhật mở rộng xâm chiếm các thuộc địa của Mỹ và Anh.

b, Hoàn cảnh trong nước

- Bộ máy đàn áp được tăng cường, lệnh thiết quân luật được ban bố. Thực dân Pháp thi hành nhiều chính sách cai trị:

• Về chính trị

- Thực dân Pháp thi hành chính sách cai trị thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng.
- Ngày 28-9-1939 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội, đoàn, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người...

• Về kinh tế

- Thực hiện chính sách kinh tế chi huy nhằm tăng cường vơ vét sức người sức của để phục vụ chiến tranh. Cụ thể: các nhà máy xí nghiệp, hầm mỏ đều bị đóng cửa, công nhân bị mất việc làm, ruộng đất bị bỏ hoang, nông dân bị bần cùng hóa không có lối thoát

• Về quân sự: Ban bố lệnh tổng động viên, bắt thanh niên Việt Nam đi lính đánh thuê cho Pháp

- Ngày 28-1-1941, Bác về nước sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, cứu dân.

Tình hình Đông Dương hết sức căng thẳng, nhân dân Đông Dương hết sức khổ cực, căm thù thực dân Pháp, mâu thuẫn dân tộc nổi lên hàng đầu, hết sức gay gắt. Vì vậy, Trung ương Đảng đã quyết định triệu tập ba Hội nghị Trung ương 6 (1939), Hội nghị Trung ương 7 (1940), Hội nghị Trung ương 8 (1941) để chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng.

2. Chủ trương chiến lược mới của Đảng (Nội dung sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược Cách mạng của Đảng qua cả 3 Hội nghị Trung ương)

a, Đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

- Ban Chấp hành Trung ương nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu ở nước ta đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc, phát xít Pháp - Nhật.
- Bởi "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được".
- Ban Chấp hành Trung ương quyết định tạm gác lại khẩu hiệu "Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày"
- Thay bằng khẩu hiệu "Tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian cho dân cày nghèo", "Chia lại ruộng đất công cho công bằng và giảm tô, giảm tức"...

b, Quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh

- Tháng 5-1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng. “Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, lập Mặt trận Việt Minh, khẩu hiệu chính là: Đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập; hoãn cách mạng ruộng đất”.
- Để tập hợp lực lượng cách mạng đông đảo trong cả nước, Ban Chấp hành Trung ương quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh thay cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương
- Các tổ chức quần chúng trong mặt trận Việt Minh đều mang tên “cứu quốc”. Trong việc xây dựng các đoàn thể cứu quốc, “điều cốt yếu không phải những hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản, mà điều cốt yếu hơn hết là họ có tinh thần cứu quốc và muốn tranh đấu cứu quốc”. Đổi tên các Hội phản đế thành Hội cứu quốc: Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Phụ lão cứu quốc, Thiếu niên cứu quốc, Nhi đồng cứu quốc
- Để vận động, thu hút mọi người dân yêu nước không phân biệt thành phần, lứa tuổi, đoàn kết bên nhau cứu Tổ quốc, cứu giống nòi.

c, Quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại.

- Để đưa cuộc khởi nghĩa vũ trang đến thắng lợi, phải ra sức phát triển lực lượng cách mạng bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, xúc tiến xây dựng căn cứ địa cách mạng.
- Ban Chấp hành Trung ương chỉ rõ: việc "chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn hiện tại". Trung ương quyết định duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn và chủ trương thành lập những đội du kích hoạt động phân tán, dùng hình thức vũ trang vừa chiến

đấu chống địch, bảo vệ nhân dân, vừa phát triển cơ sở cách mạng, tiến tới thành lập khu căn cứ, lấy vùng Bắc Sơn, Vũ Nhai làm trung tâm.

- Ban Chấp hành Trung ương xác định phương châm và hình thái khởi nghĩa ở nước ta: "phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù... với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn".
- Ban Chấp hành Trung ương còn đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng nhằm nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo của Đảng, đồng thời chủ trương gấp rút đào tạo cán bộ, cán bộ lãnh đạo, cán bộ công vận, nông vận, binh vận, quân sự và đẩy mạnh công tác vận động quần chúng.

d, Giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương

- Thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”. Sau khi đánh đuổi Pháp-Nhật, các dân tộc Đông Dương sẽ “tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia tùy ý”. “Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng”.
- Hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc, đồng thời đoàn kết ba dân tộc chống kẻ thù chung.

e, Chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

- Theo tinh thần tân dân chủ, sau khi cách mạng thành công, sẽ thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo mô hình tân dân chủ, một hình thức nhà nước “của chung cả toàn thể dân tộc”. Hội nghị chỉ rõ, “không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xô Viết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hiệp và thành lập chính phủ dân chủ cộng hòa”.
- Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một thể chế chính trị tiên bộ, một nhà nước của dân, do dân và vì dân đầu tiên trong lịch sử dân tộc ta mà Người có công đầu trong việc đặt nền móng. Nhà nước thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng.

Đặc biệt hội nghị Trung ương 8, tháng 5/1941 có sự chỉ đạo trực tiếp của Bác đã dự kiến lấy cờ đỏ sao vàng 5 cánh làm quốc kỳ; chính phủ do nhân dân bầu ra.

3. Nhận xét và ý nghĩa của sự chuyển hướng trên qua cả 3 Hội nghị trung ương

a, Nhận xét

- Hội nghị Trung ương 6 (1939) đã đề ra sự chuyển hướng, hội nghị Trung ương 8 đã cụ thể hóa, bổ sung và phát triển hoàn thiện sự chuyển hướng đó.
- Nhờ có chủ trương chiến lược mới của Đảng năm 1939-1941 mọi cuộc chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo được chu đáo phát huy được sức mạnh dân tộc chống đế quốc.

b, Ý nghĩa

Nhóm 10

- Với tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương đúng đắn để thực hiện mục tiêu ấy.
- Đường lối đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tập hợp rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nước trong Mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng ở cả nông thôn và thành thị, xây dựng căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang.
- Là ngọn cờ dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Giúp công tác chuẩn bị diễn ra sôi nổi và rộng khắp, thúc đẩy quần chúng vùng lên đấu tranh giành chính quyền.

CHƯƠNG I (Cuối thế kỉ XIX - 1945):

CHỦ ĐỀ 11.5: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung Chỉ thị “ Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ngày 12/3/1945, giá trị (tác dụng) của việc dự kiến 3 khả năng giành thắng lợi của chỉ thị đối với việc chớp đúng thời cơ của cách mạng tháng 8/1945?

1. Hoàn cảnh lịch sử

a) Hoàn cảnh quốc tế (Đầu năm 1945)

- Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc.
- Phe phát xít đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt.
- Điều này làm cho sự kiểm soát của Nhật tại Đông Dương, trong đó có Việt Nam, trở nên lỏng lẻo, tạo cơ hội cho các lực lượng cách mạng phát triển, tạo ra một thời cơ chiến lược để cách mạng Việt Nam chuyển từ giai đoạn chuẩn bị sang hành động quyết liệt, dẫn đến thắng lợi lịch sử.

b) Hoàn cảnh trong nước

- Tháng 8/1944, nước Pháp được giải phóng. Mâu thuẫn Nhật - Pháp ở Đông Dương trở nên gay gắt.
- Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính lật đổ Pháp độc chiếm Đông Dương.

Chủ trương của Đảng:

- Ngay đêm 9/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng ở Đình Bảng, Bắc Ninh do Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì.
- Ngày 12/3/1945, ra bản chỉ thị “ Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.
- Pháp mất Đông Dương, Nhật độc chiếm hoàn toàn. Sự kiện này làm tan rã bộ máy cai trị cũ, gây ra tình trạng hỗn loạn chính trị và quân sự ở Việt Nam. Đây chính là thời cơ "ngàn năm có một" mà Hồ Chí Minh nhận định trong chỉ thị.

2. Nội dung chỉ thị

a) Nhận định tình hình:

- Cuộc đảo chính đã tạo ra khủng hoảng chính trị sâu sắc nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi.
- Tuy nhiên có những cơ hội làm cho những điều kiện tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi:
 - + Chính trị khủng hoảng
 - + Nạn đói ghê gớm
 - + Chiến tranh đến giai đoạn quyết liệt

b) Chỉ rõ bản chất hành động của Nhật ngày 9-3-1945 là một cuộc đảo chính tranh giành lợi ích giữa Nhật và Pháp; là cuộc đảo chính quân sự nhằm độc chiếm Đông Dương.

c) Xác định kẻ thù: Phát xít Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể, trước mắt, duy nhất.

d) Thay khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật-Pháp” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít

Nhật” và nêu khẩu hiệu “*thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương*” để chống lại chính phủ thân Nhật.

- e) Phương châm đấu tranh: phát động chiến tranh du kích, mở rộng căn cứ kháng chiến, khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa.
- f) Chỉ thị chủ trương phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa. Mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh lúc này phải thay đổi cho phù hợp với thời kỳ trước khởi nghĩa như biểu tình, bãi công chính trị, phá kho thóc của Nhật để giải quyết nạn đói,...
- g) Dự đoán thời cơ tổng khởi nghĩa:
 - 1. Quân Đồng minh tiến vào Đông Dương đánh Nhật, Nhật phải rút quân ra mặt trận, hậu phương trở nên sơ hở → Đây là thời cơ thuận lợi để phát động tổng khởi nghĩa.
 - 2. Cách mạng Nhật bùng nổ, chính quyền cách mạng Nhật được thành lập → Có thể tác động đến tình hình Đông Dương, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Việt Nam.
 - 3. Giặc Nhật mất nước như Pháp năm 1940, và quân đội viễn chinh của Nhật mất tinh thần, thì khi ấy dù quân Đồng minh chưa đổ bộ; cuộc tổng khởi nghĩa của ta vẫn có thể bùng nổ và thắng lợi.

3. Ý nghĩa chỉ thị và nhận xét

a. Ý nghĩa chỉ thị

Bản chỉ thị ngày 12/3/1945 thể hiện sự lãnh đạo kiên quyết, kịp thời của Đảng. Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào chống Nhật cứu nước và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Việt Minh, từ giữa tháng 3/1945 trở đi, cao trào kháng Nhật, cứu nước diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ.

Chỉ thị “*Nhật pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”, có giá trị và ý nghĩa như một chương trình hành động, một lời hiệu triệu, một lời dẫn dắt dân ta tiến hành một cao trào kháng Nhật cứu nước, tạo cơ sở cho sự sáng tạo của các địa phương trên cơ sở đường lối chung của Đảng.

→ Có thể nói chỉ thị 12/3/1945 là một bài học có giá trị lịch sử to lớn thể hiện ở khả năng lãnh đạo cách mạng linh hoạt, sáng tạo và độc đáo của Đảng ta trong mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh...

b. Nhận xét:

Nhờ việc đề ra chỉ thị và dự đoán các khả năng để tổng khởi nghĩa giành thắng lợi cho nên những giai đoạn tiếp theo chúng ta đã chủ động trong mọi tình huống.

Giá trị:

Cách mạng tháng 8/1945 đã chớp đúng khả năng thứ 3 khi ngày **15/8/1945**, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, quân Nhật hoang mang, chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim suy yếu, tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành tổng khởi nghĩa.

Việc dự báo 3 khả năng trong Chỉ thị ngày 12/3/1945 giúp Đảng ta chủ động trong mọi tình huống, chuẩn bị lực lượng sẵn sàng, chớp đúng thời cơ và đưa cuộc cách mạng đến thành công một cách nhanh chóng và ít tổn thất nhất.

→ Việc dự báo khả năng giành thắng lợi đã thể hiện tầm nhìn chiến lược và khả năng ứng phó linh hoạt trước những biến động nhanh chóng của thời cuộc. Nhờ đó, khi Nhật đầu hàng Đồng minh, Đảng đã kịp thời phát động Tổng khởi nghĩa, đưa cuộc cách mạng đến thắng lợi trọn vẹn, khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn và nhạy bén của mình.

Chương II - chủ đề 13.1: Thuận lợi và khó khăn của VN sau cách mạng tháng 8/1945

1. Thuận lợi

*** Quốc tế:**

- Sau khi giải phóng khỏi chủ nghĩa phát xít, một số nước ở Đông Âu được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội và sau đó phe xã hội chủ nghĩa dần hình thành do Liên Xô làm trụ cột và trở thành hệ thống đối trọng với phe tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu.
- Chiến tranh thế giới lần thứ II kết thúc, chủ nghĩa phát xít thế giới bị tiêu diệt, chủ nghĩa đế quốc lâm vào tình trạng suy yếu, đã tạo ra điều kiện cho phong trào chống đế quốc, thực dân giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa ở khắp các nước châu Á, Châu Phi và cả Mỹ Latinh dâng cao.
- Ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, sự thất bại của phát xít Nhật và các thế lực tay sai đã tạo điều kiện thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa, phụ thuộc, trong đó Việt Nam là một nước tiên phong.

*** Trong nước:**

- Chính quyền đã về tay cách mạng: 19/8/1945 Cách Mạng tháng Tám thành công, nhân dân giành được chính quyền, Việt Nam trở thành quốc gia độc lập tự do; nhân dân thoát khỏi thân phận nô lệ bị áp bức, trở thành chủ nhân của chế độ dân chủ mới.
- Uy tín của Đảng và Hồ Chủ Tịch được thông qua việc lãnh đạo Cách mạng tháng 8. CM tháng 8 thắng lợi đã có giá trị rất lớn tác động đến công cuộc bảo vệ chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”.
- Toàn Đảng, toàn dân quyết tâm xây dựng và bảo vệ chính quyền.

2. Khó khăn

a. Chính trị:

- Hệ thống chính quyền cách mạng vừa được thiết lập, còn rất non trẻ, thiếu thốn, yếu kém về nhiều mặt.
- Thù trong giặc ngoài bao vây tứ phía:

- + Theo thỏa thuận của phe Đồng minh, 2 vạn quân đội Anh-Ấn đổ bộ vào Sài Gòn để làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật thua trận ở miền Nam Việt Nam
- + Đội quân thực dân Pháp theo chân quân đội Anh mở đường trở lại xâm lược Nam Bộ. Thực dân Pháp nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn - Chợ Lớn (Nam Bộ) vào rạng sáng ngày 23-9-1945, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ 2 của thực dân Pháp ở Việt Nam.
- + Ở Bắc vĩ tuyến 16, hơn 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch được lệnh của Mỹ hùng hổ tràn vào Việt Nam dưới sự bảo trợ và ủng hộ của phe đế quốc, đứng đầu là Mỹ với danh nghĩa quân đội Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật thua trận ở Bắc Việt Nam. Đội quân Tưởng vào Việt Nam kéo theo lũ tay sai hùng hậu, với âm mưu vô cùng nguy hiểm, thâm độc “diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh”.
- + Trong khi đó, trên đất nước Việt Nam vẫn còn 6 vạn quân Nhật thua trận đang chờ giải giáp.
- + Cách mạng Việt Nam phải đối phó với sự xuất hiện của các đảng phái chính trị phản động như Việt Quốc, Việt Cách và các thế lực tay sai,...

b. Kinh tế - tài chính:

- Kinh tế:
- + Nền kinh tế xơ xác, tiêu điều sau chiến tranh tàn khốc, công nghiệp đình đốn, nhiều nhà máy xí nghiệp ngưng trệ, nông nghiệp bị hoang hóa tới 50% ruộng đất.
- + Nạn đói: 2 triệu người dân chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945.
- Tài chính: Nền tài chính, ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng, Ngân hàng Đông Dương lại đang nằm trong tay tư bản nước ngoài.

c. Văn hóa, xã hội:

- Xã hội: Các tiêu cực xã hội tràn lan, các hủ tục lạc hậu, thói hư, tật xấu, tệ nạn do chế độ cũ để lại rất to lớn.
- Văn hóa: 95% dân số thất học, mù chữ.

d. Quân sự:

Lực lượng mỏng, trang thiết bị thô sơ.

e. Ngoại giao:

- Khi Chiến tranh thế giới lần thứ II kết thúc, phe đế quốc chủ nghĩa nuôi dưỡng âm mưu mới "chia lại hệ thống thuộc địa thế giới", ra sức tấn công, đàn áp phong trào cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam.
- Không có nước nào ủng hộ lập trường độc lập và công nhận địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- Quan hệ của Đảng Cộng sản Đông Dương với các Đảng Cộng sản thế giới, với phong trào giải phóng dân tộc cũng gặp nhiều khó khăn, trở ngại.
- Việt Nam nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, bị bao vây cách biệt với

thế giới bên ngoài.

3. Ý nghĩa, nhận xét

* Ý nghĩa:

- Các thuận lợi giúp cách mạng có nền tảng vững chắc, tạo điều kiện để Đảng phát huy vai trò lãnh đạo, củng cố chính quyền non trẻ và huy động sức mạnh toàn dân.
- Đồng thời, những khó khăn, thách thức buộc Đảng phải thể hiện bản lĩnh, sự sáng suốt trong việc đề ra đường lối, chiến lược phù hợp, linh hoạt trước tình hình trong nước và quốc tế. Từ đó không chỉ khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng mà còn hun đúc tinh thần đoàn kết dân tộc, góp phần đưa cách mạng Việt Nam từng bước giành được thắng lợi to lớn, bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự do của dân tộc.

* Nhận xét:

- Sau Cách mạng tháng 8, Việt Nam có những thuận lợi và đứng trước những khó khăn vô cùng to lớn. Khó khăn chồng chất khó khăn, vận mệnh của dân tộc đứng ở trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Hai khả năng đặt ra cho chính quyền Cách mạng: một là mất chính quyền, phải quay trở lại kiếp sống nô lệ; hai là có khả năng bảo vệ chính quyền. Sau khi phân tích và đánh giá tình hình, Trung ương Đảng nhận định thuận lợi là hết sức cơ bản và khó khăn tuy to lớn chồng chất nhưng có thể khắc phục được. Vì vậy Trung ương Đảng lựa chọn con đường bảo vệ chính quyền bằng cách đề ra những chủ trương và biện pháp cụ thể.

CHƯƠNG 2 (1945-1975)

Chủ đề 13.3: Trình bày các biện pháp của Đảng để xây dựng và bảo vệ chính quyền Cách mạng. Làm rõ sự mềm dẻo, tài tình của Hồ chủ tịch trong biện pháp ngoại giao đối với Tưởng và Pháp?

1. Hoàn cảnh:

a) Thuận lợi

****Quốc tế:***

- Liên Xô trở thành thành trì của CNXH. Nhiều nước ở Đông, Trung Âu đã lựa chọn con đường phát triển theo CNXH.
- Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt, chủ nghĩa đế quốc suy yếu, tạo điều kiện cho phong trào giải phóng dân tộc chống đế quốc, thực dân bùng nổ ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.
- Sự thất bại của phát xít Nhật và các thế lực tay sai ở Châu Á-Thái Bình Dương thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc, trong đó Việt Nam là nước tiên phong.

****Trong nước:***

- Việt Nam trở thành quốc gia độc lập, tự do
- Uy tín của Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh được khẳng định thông qua việc lãnh đạo cách mạng thắng tám thắng lợi.
- Toàn dân đoàn kết, quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng.

b) Khó khăn

- **Chính trị :** giặc ngoại xâm (Trung Hoa, Anh, Nhật, Pháp) và nội phản vẫn lăm le xâm lược và chống phá Đảng và nhà nước ta.

- **Kinh tế - tài chính:** nền kinh tế què quặt, nạn đói khiến hơn 2 triệu đồng bào ta chết đói năm 1945, ngân sách nhà nước trống rỗng
- **Văn hóa - xã hội:** hơn 90% dân số mù chữ, tệ nạn xã hội
- **Quân sự:** Chính quyền cách mạng chưa được củng cố, lực lượng vũ trang còn non yếu
- **Ngoại giao:** Không có nước nào ủng hộ lập trường độc lập và công nhận địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Việt Nam nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, bị bao vây cách biệt với thế giới bên ngoài.

Vận mệnh chính quyền cách mạng “như ngàn cân treo sợi tóc”

2. Các biện pháp của Đảng để xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

a. Những vấn đề chính của chỉ thị kháng chiến - kiến quốc T11/1945:

Chỉ thị đã chỉ rõ tính chất của cách mạng Đông Dương vẫn là Cách mạng dân tộc giải phóng do nước ta chưa hoàn toàn độc lập.

Mục tiêu của CM Việt Nam vẫn là GPDT; khẩu hiệu lúc này là “Tổ quốc trên hết – Dân tộc trên hết”

Xác định kẻ thù chính: Có nhiều kẻ thù, nhưng kẻ thù chính và nguy hiểm nhất là TD Pháp

Xác định 4 nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách: củng cố chính quyền cách mạng; chống TD pháp xâm lược; bài trừ nội phản; cải thiện đời sống nhân dân.

Các biện pháp: chính trị, kinh tế - tài chính, văn hóa - xã hội, quân sự, ngoại giao.

b. Các biện pháp cụ thể:

❖ Về chính trị:

*** Chủ trương:**

Bầu cử Quốc hội để thành lập chính phủ chính thức, lập ra Hiến pháp; động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến và chuẩn bị kháng chiến lâu dài, kiên định nguyên tắc về độc lập chính trị.

* Hoạt động:

- Ngày 6/1/1946, nhân dân cả nước tham gia bầu cử
- Các địa phương cũng tiến hành bầu cử hội đầu nhân dân các cấp và kiện toàn ủy ban hành chính các cấp.
- Ban soạn thảo Hiến pháp mới được thành lập.

* Kết quả:

- Đã thành lập được Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Quốc hội được bầu ra gồm 333 đại biểu, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của toàn dân tộc.
- Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, xác định chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của nước ta.
- Quốc hội đã bầu ra Chính phủ chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

❖ **Về kinh tế - tài chính:**

* Chủ trương: “Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói”

* Hoạt động:

- Kinh tế: Các cuộc vận động lớn trong toàn quốc được phát động, như: thực hành tiết kiệm với khẩu hiệu “Tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa”, lập hũ gạo tiết kiệm, bãi bỏ thuế thân và nhiều thuế vô lý khác, giảm tô 20%
- Tài chính: phát động “Tuần lễ vàng”, thu Quỹ độc lập, Quỹ đảm phụ quốc phòng,....

* Kết quả:

- Các loại đất công cộng, đất hoang hóa được đưa vào sử dụng, nông dân có đất để trồng trọt.
- Sản lượng hoa màu tăng chỉ trong 5 tháng (từ 11/1945-5/1946) bù đắp được vụ mùa năm 1945, xóa đói trong nhân dân, giá thóc gạo giảm.

- Nhiều quăng đê mới được gia cố lại, một số đê mới được đắp thêm. Công tác đê điều được hoàn thành chỉ sau bốn tháng.
- Một số nhà máy, công xưởng, hầm mỏ được khuyến khích đầu tư và hoạt động trở lại. (dài quá ko nêu cũng được)
- Ngân khố quốc gia được xây dựng lại, đồng tiền giấy bạc Việt Nam được phát hành.

→ Vì vậy, nạn đói bị đẩy lùi, nhân dân phấn khởi xây dựng cuộc sống mới.

❖ Về văn hóa - xã hội:

Văn hóa:

* Chủ trương: “*Chống giặc đói, xóa nạn mù chữ*”

* Hoạt động:

- Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phát động phong trào “Bình dân học vụ”, toàn dân học quốc ngữ để từng bước xóa bỏ nạn đói.

Xã hội:

* Chủ trương: xóa hủ tục

* Hoạt động:

- Vận động toàn dân xây dựng nếp sống mới, đời sống văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ.
- Các trường học từ cấp tiểu học trở lên lần lượt khai giảng năm học mới.
- Thành lập Trường Đại học Văn khoa Hà Nội.

* Kết quả:

- Cuối năm 1946, cả nước đã có hơn 2,5 triệu người biết viết, biết đọc chữ quốc ngữ.
- Đời sống tinh thần của một bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhân dân tin tưởng vào chế độ mới, nêu cao quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng.
- Nền giáo dục của chế độ mới bước đầu hình thành, góp phần xóa bỏ tàn dư của nền giáo dục thực dân phong kiến.

❖ Về quân sự:

* Chủ trương: Tiếp tục mở rộng MTDTTN nhằm tăng cường thực lực cách mạng, tập trung chống Pháp ở Nam Bộ

* Hoạt động:

- củng cố, tăng cường và tổ chức lại lực lượng vũ trang cách mạng.
- Tích cực mua sắm vũ khí, tích trữ lương thực, thuốc men, củng cố các cơ sở và căn cứ địa cách mạng ở cả miền Bắc, miền Nam,...

* Kết quả:

- Cuối năm 1946, Việt Nam có hơn 8 vạn bộ đội chính quy, lực lượng công an được tổ chức đến cấp huyện.
- Hàng vạn dân quân, tự vệ được tổ chức ở cơ sở từ Bắc chí Nam,...

❖ Về ngoại giao:

Trước tình hình vô cùng khó khăn, Đảng và Hồ Chủ tịch đã có biện pháp ngoại giao:

- Cứng rắn về mặt nguyên tắc
- Mềm dẻo về mặt sách lược, nhân nhượng bên trên nhưng lấy áp lực của quần chúng bên dưới để chống lại chúng.
 - + Nhân nhượng với Tưởng: về kinh tế, ta cung cấp gạo cho 20 vạn quân Tưởng. Về chính trị, ta nhường cho chúng một số vị trí trong chính phủ và Quốc hội không qua bầu cử.
 - + Nhân nhượng với Pháp: sách lược hòa để tiến, Hiệp định sơ bộ 6/3/1946, Tạm ước 14/9/1946.

→ Kết quả: có thời gian hòa hoãn để chuẩn bị thực lực cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp về sau.

3. Ý nghĩa và tác dụng của các biện pháp:

a. Ý nghĩa:

- Bảo vệ được nền độc lập của đất nước, giữ vững chính quyền cách mạng

- Xây dựng được nền móng đầu tiên và cơ bản cho một chế độ mới, chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa
- Chuẩn bị được những điều kiện cần thiết, trực tiếp cho cuộc kháng chiến toàn quốc sau đó.
- Thể hiện tầm nhìn chiến lược của một chính Đảng non trẻ mới hoạt động công khai

b. Tác dụng:

- Tạo ra nội lực quan trọng để đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.
- Các biện pháp toàn diện , nhờ đó ta giữ vững và bảo vệ được chính quyền.

CHƯƠNG 2: 1945 -1975

Chủ đề 14: Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ của Đảng.

1. Hoàn cảnh

* Nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp (1946 - 1954)

- Sau bản Tạm ước 14-9-1946 chính phủ, quân đội và nhân dân Việt Nam tiếp tục tìm chế, kiên trì thực hiện chủ trương hòa hoãn và bày tỏ thiện chí hòa bình.

- Tuy nhiên thực dân Pháp đã có những hành động trắng trợn, vi phạm các điều đã ký kết với chính phủ ta tại Hiệp định Sơ bộ (6-3- 1946) và Tạm ước (14-9-1946) :

+ Cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vũ trang đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, tiếp đó chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, tấn công vào các vùng tự do của ta ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ, hậu thuẫn cho lực lượng phản động xúc tiến thành lập cái gọi là “Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ” và triệu tập Hội nghị Liên bang Đông Dương.

+ Pháp chủ động tổ chức gây hấn với ta ở nhiều nơi, tấn công đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính, Bộ Giao thông công chính. Ngày 17-12, chúng bắn đại bác gây ra vụ thảm sát đồng bào Hà Nội ở phố Yên Ninh và Hàng Bún.

+ Ngày 18-12, đại diện Pháp ở Hà Nội đơn phương tuyên bố cắt đứt mọi liên hệ với Chính phủ Việt Nam, đưa liên tiếp 3 tối hậu thư đòi phía Việt Nam phải giải giáp; phải phá bỏ công sự, chướng ngại vật trên đường phố Hà Nội, giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, đòi độc quyền thực thi nhiệm vụ kiểm soát, gìn giữ an ninh, trật tự của thành phố.

2. Nội dung đường lối:

a) Quá trình hình thành đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954)

- **25/11/1945:** Chỉ thị KC – KQ - Xác định nhiệm vụ vừa kháng chiến vừa kiến quốc, kết hợp đấu tranh chống Pháp và các thế lực phản động trong nước.
- **19/10/1946:** Hội nghị QS toàn quốc đề ra chủ trương, biện pháp về tư tưởng và tổ chức
- **5/11/1946:** Chỉ thị Công việc khẩn cấp bây giờ chỉ ra những công việc gấp rút cần chuẩn bị

b) Cơ sở lý luận và thực tiễn để Đảng đề ra đường lối kháng chiến

Về cơ sở lý luận:

1. Dựa vào quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin: Cách mạng là sự nghiệp quần chúng
2. Dựa theo Tư tưởng Hồ Chí Minh: lấy dân làm gốc
3. Dựa vào các văn kiện chỉ thị của Đảng và lãnh tụ:(3 hcn trong slide)

Về cơ sở thực tiễn:

1. Dựa vào âm mưu và thủ đoạn của thực dân Pháp: Đánh nhanh thắng nhanh, giải quyết nhanh trên chiến trường Việt Nam -> ta phải chủ trương để chống lại âm mưu đó của chúng.
2. Thực tiễn trên chiến trường
3. Truyền thống đánh giặc cứu nước của dân tộc: lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh, lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chính nhân thay cường bạo.

c) Nội dung của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp

***Về mục đích kháng chiến:** Đánh phản động thực dân Pháp, giành thống nhất và độc lập.

***Về tính chất kháng chiến:**

- Kế tục và phát triển sự nghiệp của Cách mạng Tháng Tám.
- Cuộc kháng chiến của dân tộc ta là một cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa.
- Có tính chất toàn dân, toàn diện và lâu dài.
- Là một cuộc chiến tranh tiến bộ vì tự do, độc lập, dân chủ và hòa bình.
- Là cuộc kháng chiến có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới.

***Phương châm tiến hành kháng chiến:**
Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

- Kháng chiến toàn dân:

- **Lý do:** Khi thực dân Pháp sang xâm lược nước ta, chúng đặt ách áp bức, bóc lột vô cùng dã man và tàn bạo lên toàn thể nhân dân ta, theo quy luật thông thường, có áp bức – có đấu tranh, toàn thể nhân dân Việt Nam sẽ vùng lên đấu tranh chống Pháp. Mặt khác, tương quan lực lượng giữa ta và địch là rất lớn. Pháp có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh hơn ta gấp nhiều lần, do đó buộc ta phải huy động sức mạnh toàn dân.
- **Nội dung:** Chúng ta tiến hành chiến tranh nhằm mục đích bảo vệ Tổ quốc, do đó cuộc chiến tranh của ta là cuộc chiến tranh chính nghĩa chống lại chiến tranh phi nghĩa. Chiến tranh Việt Nam là chiến tranh nhân dân do đó phải dựa vào dân, phải kháng chiến toàn dân.
- **Tác dụng:** Kháng chiến toàn dân sẽ đem lại cho cách mạng Việt Nam một sức mạnh to lớn cả về vật chất và tinh thần, góp phần đánh thắng mọi kế hoạch của Pháp.

- **Kháng chiến toàn diện:**

Lý do: Cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam phải tiến hành một cách toàn diện. Có thể nói, chiến tranh bao giờ cũng là cuộc đối đầu toàn diện giữa hai bên tham chiến. Ở đây, thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam trên tất cả mọi phương diện.
=> Vì thế, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam cũng sẽ diễn ra trên tất cả các lĩnh vực.

Về chính trị: Thực hiện đoàn kết toàn dân, tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân; Đoàn kết Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do hòa bình.

Về quân sự: Thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiêu diệt địch, giải phóng nhân dân và đất đai, thực hiện du kích chiến tiến lên vận động chiến, đánh chính quy, là "Triệt để dùng du kích vận động chiến. Bảo toàn thực lực, kháng chiến lâu dài... Vừa đánh vừa vũ trang thêm; vừa đánh vừa đào tạo thêm cán bộ". Lần lượt đánh bại các kế hoạch, chiến lược chiến tranh của Pháp, tiêu diệt lực lượng địch trên đất nước ta, để bẹp ý chí xâm lược của chúng, giành độc lập cho đất nước.

Về kinh tế: Tiêu thổ kháng chiến, xây dựng kinh tế tự cung tự túc, tập trung phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp quốc phòng. Chúng ta đưa ra khẩu hiệu: "Xây dựng kinh tế ta, phá hoại kinh tế địch", chống lại kế hoạch "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của Pháp.

Về văn hóa: Xóa bỏ văn hóa thực dân, phong kiến. Xây dựng nền văn hóa dân chủ mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng. Thực hiện khẩu hiệu: "Văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa".

Về ngoại giao: Thực hiện thêm bạn bớt thù, biểu dương thực lực. "Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp", sẵn sàng đàm phán nếu Pháp công nhận Việt Nam độc lập. Thoát khỏi thế bị bao vây cô lập.

=> **Tác dụng:** Có thể nói, kháng chiến toàn diện chính là một biểu hiện của kháng chiến toàn dân. Kháng chiến toàn diện giúp phát huy triệt để lợi thế của mỗi giai cấp và cá nhân trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược.

- **Kháng chiến lâu dài:**

- **Lý do:** So sánh tương quan lực lượng giữa ta và kẻ thù có những điểm mạnh, điểm yếu khác nhau. Bên ta điểm mạnh là chính nghĩa, có sự lãnh đạo của Đảng, có đường lối đúng đắn; nhưng Pháp lại có thế mạnh về kinh tế và quân sự, có đội quân thiện chiến. Vì vậy, ta phải đánh Pháp lâu dài.
- **Nội dung:** Đánh lâu dài nhưng không phải là kéo dài, mà chúng ta giành thắng lợi từng bước để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.
- **Tác dụng:** Giúp cho ta thay đổi được tương quan so sánh lực lượng giữa ta và Pháp. Ta càng đánh càng mạnh, Pháp càng đánh càng lún sâu, sa lầy vào cuộc chiến tranh và dẫn đến thất bại.

- Kháng chiến dựa vào sức mình là chính:

Tiến hành kháng chiến trong thế bị bao vây cô lập, không ỷ lại vào sự giúp đỡ quốc tế mà tận dụng sức mạnh dân tộc và thời đại.

Lịch sử chứng minh: "Có tự lập mới có độc lập, có tự cường mới có tự do".

***Triển vọng kháng chiến:** Những thắng lợi của quân và dân ta trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến đã chứng tỏ tính đúng đắn của chủ trương chủ động chuẩn bị cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện lâu dài của Đảng; nó có tác dụng cổ vũ, khích lệ rất lớn đối với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta vững tin vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

3. Ý nghĩa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và nhận xét về đường lối của Đảng

a. Ý nghĩa cuộc kháng chiến chống Pháp

- Đối với Việt Nam :

+ Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị thực dân của Pháp trong gần một thế kỷ trên đất nước ta.

+ Tạo tiền đề về chính trị-xã hội quan trọng để Đảng quyết định đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng, bảo vệ vững chắc miền Bắc thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

+ Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam; có tính lan tỏa rộng lớn trong khu vực và mang tầm vóc thời đại sâu sắc.

- Đối với thế giới:

+ Là một đòn mạnh giáng vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng.

+ Chiến thắng Điện Biên Phủ không chỉ là thắng lợi của nhân dân ta, mà nó còn là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ trên thế giới. Vì vậy, nó có tác dụng cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, trước hết là các nước châu Á, châu Phi và Mĩ La - tinh.

+ Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) không chỉ mang lại độc lập cho Việt Nam mà còn có ý nghĩa to lớn về nhiều mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao và lịch sử. Đây là một trong những chiến công vĩ đại nhất trong lịch sử đấu tranh của dân tộc Việt Nam, để lại những bài học quý báu cho các thế hệ sau

b. Nhận xét về đường lối của Đảng

- Đây là đường lối hoàn toàn đúng đắn :

+ Đường lối có cả một quá trình hình thành: Đường lối kháng chiến của Đảng được hình thành trong những năm đầu của cuộc chiến tranh chống Pháp là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên. Đường lối đó đã huy động và phát huy cao nhất mọi nguồn lực, mọi nguồn sức mạnh của toàn dân tộc để đánh thắng kẻ thù xâm lược, tranh thủ và phát huy cao độ hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế đối với cuộc kháng chiến. Đường lối kháng chiến của Đảng được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng trong suốt quá trình kháng chiến và trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

+ Đường lối dựa trên cơ sở lí luận : Dựa vào quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin: Cách mạng là sự nghiệp quần chúng. Dựa theo Tư tưởng Hồ Chí Minh: lấy dân làm gốc. Dựa vào các văn kiện chỉ thị của Đảng và lãnh tụ.

+ Đường lối dựa trên thực tiễn : Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp được Đảng hình thành, bổ sung, phát triển qua thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 đến 1947. Nội dung cơ bản của đường lối đó được thể hiện trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng, lời kêu gọi, bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh, trong đó tập trung ở các văn bản: Chỉ thị kháng chiến kiến quốc (25-11-1945); Chỉ thị tình hình và chủ trương (3-3-1946); Chỉ thị hòa để tiến (9-3-1946); Chỉ thị toàn dân kháng chiến (12-12-1946); Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946); Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi của đồng chí Trường Chinh (8-1947).

+ Các thắng lợi của Việt Nam: chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947, chiến dịch Biên giới (1950), chiến dịch Hòa Bình (1951) và đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) : Đây là thắng lợi quyết định trong cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam. Quân đội Việt Nam, dưới sự chỉ huy của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đã tổ chức một cuộc tấn công lớn vào cứ điểm Điện Biên Phủ, nơi tập trung quân đội Pháp. Sau 56 ngày đêm chiến đấu kiên cường, quân Pháp buộc phải đầu hàng, đánh dấu sự kết thúc của cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Chiến thắng Điện Biên Phủ là một trong những chiến thắng vĩ đại trong lịch sử chiến tranh, đồng thời làm thay đổi cục diện chính trị quốc tế, buộc Pháp phải ký Hiệp định Genève 1954, chấm dứt chiến tranh và công nhận sự chia cắt Việt Nam thành hai miền Bắc - Nam.

Chương II

Chủ đề 19: Phân tích tính chất của xã hội miền Nam sau năm 1954 và nội dung cơ bản Nghị quyết 15 tháng 1/1959. Ý nghĩa của Nghị quyết này với cách mạng miền Nam.

1. Phân tích tính chất của xã hội miền Nam sau năm 1954

- Ở miền Nam, sau năm 1954 đế quốc Mỹ đã nhảy vào thay chân Pháp thống trị miền Nam, âm mưu xâm lược và biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.
- Xây dựng miền Nam làm căn cứ quân sự của chúng để tiến công lên miền Bắc và hệ thống xã hội chủ nghĩa, chia cắt lâu dài và biến miền Nam thành mắt xích trong hệ thống quân sự ở Đông Nam Á nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống vùng này.
- Chính quyền Mỹ - Diệm thi hành chính sách tàn bạo, phát xít hoá đàn áp phong trào cách mạng. Các quyền tự do, dân chủ đều bị bóp nghẹt.
- Chính sách kinh tế lệ thuộc vào Mỹ làm cho tình hình kinh tế và đời sống ở miền Nam ngày càng khó khăn. Công thương nghiệp bị phá sản, hàng hóa Mỹ tràn vào, hàng trong nước không cạnh tranh nổi.
- Nông dân bị cướp đất, bị tô cao, thuế nặng. Công nhân đối mặt với nạn thất nghiệp và đồng lương thấp.
- Những cảnh vây lùng, bắt lính, chém giết, tù đầy lan tràn khắp nông thôn, thành thị.

Như vậy, cách mạng miền Nam đứng trước tình thế cực kỳ nghiêm trọng, đòi hỏi Đảng phải có một đường lối hoàn chỉnh và toàn diện về cách mạng miền Nam. Nhân dân ta ở miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống lại Mỹ - Diệm để cứu nước và tự cứu mình.

2. Nghị quyết 15 tháng 1/1959

a, Hoàn cảnh lịch sử

- Sau hiệp định Giơnevơ, ở miền Nam, Mỹ - Diệm thi hành chính sách tàn bạo, phát xít hóa, trắng trợn vi phạm Hiệp định Giơnevơ.
- Sự đàn áp, khủng bố dã man của Mỹ - Diệm, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét, dồn dân vào các trại tập trung.
- T3- 1959 chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố "đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh"
- Ban hành luật 10/59, định dùng tòa án quân sự đặc biệt để đưa những người bị bắt ra xét xử và giết tại chỗ.
- Định khủng bố những người yêu nước và cách mạng bằng cả súng đạn và máy chém Chính sách khủng bố và chiến tranh đó đã làm cho mâu thuẫn đế quốc Mỹ và tay sai với nhân dân miền Nam Việt Nam thêm gay gắt, làm cho tình thế cách mạng chín muồi, dẫn đến bùng nổ các cuộc khởi nghĩa của quần chúng

Đáp ứng yêu cầu đó, T1-1959, hội nghị TW lần thứ 15 đã ra nghị quyết về cách mạng miền nam với tinh thần cơ bản là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng chính trị và vũ trang, kết hợp đấu tranh chính

trị với đấu tranh quân sự, tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân...

b, Nội dung của nghị quyết 15 (1/1959)

- Nghị quyết chỉ ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là:
 - Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh để giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ.
 - Hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, ra sức củng cố miền Bắc và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.
- Về cách mạng miền Nam, Nghị quyết phân tích tình hình xã hội miền Nam sau năm 1954 có hai mâu thuẫn cơ bản:
 - + Một là, mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam với bọn đế quốc xâm lược, chủ yếu là đế quốc Mỹ.
 - + Hai là, mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam, trước hết, là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến. Trong đó, mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Mỹ xâm lược và tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm là mâu thuẫn chủ yếu trong giai đoạn cách mạng hiện nay.
- Về đối tượng của cách mạng: đế quốc Mỹ, tư sản mại bản, địa chủ phong kiến và tay sai của đế quốc Mỹ.
- Về lực lượng cách mạng, Nghị quyết xác định:
 - + Lực lượng cách mạng là giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc, lấy liên minh công nông làm cơ sở.
 - + Nghị quyết chủ trương thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất riêng ở miền Nam, có cương lĩnh phù hợp với tính chất, nhiệm vụ và thành phần nhằm tập hợp rộng rãi tất cả các lực lượng chống đế quốc và tay sai.
- *Nhiệm vụ cơ bản* của cách mạng Việt Nam là giải phóng miền Nam thoát khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Nhưng trên con đường dài thực hiện nhiệm vụ cơ bản ấy, cách mạng miền Nam phải đi từng bước từ thấp đến cao.
- *Nhiệm vụ trước mắt* của cách mạng miền Nam là: “đoàn kết toàn dân đấu tranh chống đế quốc Mỹ và đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà.
- Nghị quyết xác định *phương pháp tiến hành đấu tranh* ở miền Nam là: dùng bạo lực cách mạng từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. G giành chính quyền về tay nhân dân, lấy sức mạnh quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng làm chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang.

- Về vai trò của Đảng bộ miền Nam, Nghị quyết khẳng định:
 - + Sự tồn tại và trưởng thành của Đảng bộ miền Nam dưới chế độ độc tài phát-xít là một yếu tố quyết định thắng lợi của phong trào cách mạng miền Nam.
 - + Vấn đề mấu chốt là phải củng cố, xây dựng Đảng bộ miền Nam vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trong hoàn cảnh mới, Đảng bộ phải hết sức đề cao công tác bí mật, triệt để lợi dụng khả năng hợp pháp để gìn giữ lực lượng của Đảng...

3. Ý nghĩa và nhận xét Nghị quyết

a, Ý nghĩa

- Nghị quyết Hội nghị Trung ương 15 là một dấu mốc lịch sử vô cùng quan trọng. Nghị quyết đã đề ra một cách toàn diện đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền nam.
- Nó đánh dấu bước phát triển mới về tư duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn của Đảng ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhằm mục tiêu chiến lược giải phóng miền nam, thống nhất đất nước.
- Những quyết sách về đường hướng phát triển của cách mạng miền nam mà Hội nghị đưa ra phản ánh đúng tình thế chín muồi của cách mạng miền nam, đáp ứng được yêu cầu bức thiết của thực tế tình hình cách mạng miền nam lúc bấy giờ, phù hợp với nguyện vọng tha thiết của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ miền nam và phù hợp với xu thế phát triển tất yếu của cách mạng miền nam.
- Nghị quyết 15 đã mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, đã xoay chuyển tình thế, làm tan rã hàng loạt bộ máy kìm kẹp của chính quyền địch ở thôn xã, từng bước giành quyền làm chủ, tạo tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo của cách mạng miền Nam.

b, Nhận xét

Có thể nói, Nghị quyết 15 đã vạch rõ phương hướng tiến lên cho cách mạng miền Nam dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Vậy nên, nghị quyết 15 là một quyết định lịch sử.

CHƯƠNG II (1945-1975)
CHỦ ĐỀ 20: ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ 3
(09/1960)

1. Hoàn cảnh lịch sử

a) Tình hình thế giới

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nhất là sự lớn mạnh của Liên Xô
- Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển, phong trào hoà bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản
- Đế quốc Mỹ trở thành cường quốc có tham vọng làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng được các đời tổng thống nối tiếp nhau xây dựng và thực hiện
- Thế giới đi vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang. Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô với Trung Quốc

b) Tình hình trong nước

- Đất nước bị chia làm hai miền, có chế độ chính trị, xã hội khác nhau: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước. Miền Nam do đế quốc, tay sai kiểm soát, trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ
- Từ năm 1958, kẻ địch tăng cường khủng bố và hành quân càn quét, dồn dân vào trại tập trung. Tháng 3/1959, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố “tình trạng chiến tranh” và với luật 10/59, địch dùng Toà án quân sự đặc biệt để xét xử, bắn giết những người yêu nước và cách mạng.

=> Trước tình hình phức tạp nói trên, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III đã được tiến hành và đề ra đường lối chung của Cách mạng Việt Nam.

2. Nội dung

Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Trong diễn văn khai mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”.

- a) *Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam*, trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là thực hiện đồng thời hai chiến lược: Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước
- b) *Về nhiệm vụ cụ thể* của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền, Đại hội nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam thực hiện đấu tranh giành lại hòa bình, thống nhất nước nhà.
- c) *Về vị trí, vai trò*
 - + Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.

- + Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.
- d) *Về mối quan hệ giữa 2 cuộc cách mạng*, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có mối quan hệ biện chứng: khăng khít, gắn bó, hỗ trợ, tác động, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển, cuộc cách mạng này làm điều kiện, tiền đề phát triển cho cuộc cách mạng kia. Hai cuộc cách mạng ở 2 miền có những điểm chung rất quan trọng:
 - + Cuộc cách mạng ở 2 miền nhưng do 1 Đảng lãnh đạo là Đảng Cộng sản Việt Nam.
 - + Chung 1 đường lối do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III đề ra.
 - + Chung 1 kẻ thù là đế quốc Mỹ.
 - + Chung 1 nước vốn thống nhất.
 - + Chung mục tiêu là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước, đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội.
- e) *Về hòa bình, thống nhất Tổ quốc*, Đại hội khẳng định chủ trương giữ vững đường lối hòa bình, phù hợp với nguyện vọng nhân dân, nhưng luôn chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.
- f) *Về triển vọng của cách mạng*:
 - + Đại hội xác định cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam.
 - + Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam - Bắc nhất định sum họp một nhà.
- g) *Về xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Đảng chủ trương xây dựng những tiền đề cơ sở vật chất kỹ thuật cho cnxh miền bắc và xây dựng miền bắc thành hậu phương lớn, góp sức người, sức của cho tiền tuyến miền nam.

3. Ý nghĩa lịch sử và sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác Lênin của Đảng

a) Ý nghĩa lịch sử

- Đường lối tiến hành đồng thời 2 chiến lược CM để thể hiện tư tưởng chiến lược giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- Thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề riêng của cách mạng Việt Nam.
- Là cơ sở để Đảng chỉ đạo các nhiệm vụ các mạng ở mỗi miền vì mục tiêu chung.

=> Là đại hội quyết định đường lối xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà.

b) Sự vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin của Đảng/ Nhận xét

Đại hội Đảng lần thứ III đã vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.

● Về mặt lý luận:

- Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác Lenin, sau khi hoàn thành giai đoạn 1 (cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) thì phải chuyển sang giai đoạn 2 (cách mạng xã hội chủ nghĩa). Đó là lý luận cách mạng không ngừng, giữa 2 giai đoạn không có bức tường thành nào ngăn cách.
- Ở trên thế giới, trong giai đoạn này có một số nước bị chia cắt (VD: Đức, Triều Tiên, Trung Quốc) nhưng họ không tiến hành đồng thời như Việt Nam

⇒ Như vậy, cả về lý luận và thực tiễn chưa hề có tiền lệ trong lịch sử

- **Về mặt thực tiễn:** Sau 1975, nước ta tạm thời được chia cắt thành hai miền, Đảng ra đường lối tiến hành đồng thời 2 cuộc cách mạng. Đó là một quan điểm đúng đắn, phù hợp đáp ứng yêu cầu khách quan của tình hình, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một trong những nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và phát huy được sức mạnh dân tộc, sức mạnh thời đại, sức mạnh cả cuộc kháng chiến chống Mỹ ở 2 miền Nam Bắc.

CHƯƠNG II (1945-1975)

CHỦ ĐỀ 20.1: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG CNXH DO ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ III (9/1960). VAI TRÒ CỦA MIỀN BẮC XHCN ĐỐI VỚI THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

1. Hoàn cảnh lịch sử

a) Tình hình thế giới

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nhất là sự lớn mạnh của Liên Xô
- Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển, phong trào hoà bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản
- Đế quốc Mỹ trở thành cường quốc có tham vọng làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng được các đời tổng thống nối tiếp nhau xây dựng và thực hiện
- Thế giới đi vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang. Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô với Trung Quốc

b) Tình hình trong nước

- Đất nước bị chia làm hai miền, có chế độ chính trị, xã hội khác nhau: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước. Miền Nam do đế quốc, tay sai kiểm soát, trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ
- Từ năm 1958, kẻ địch tăng cường khủng bố và hành quân càn quét, dồn dân vào trại tập trung. Tháng 3/1959, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố “tình trạng chiến tranh” và với luật 10/59, địch dùng Toà án quân sự đặc biệt để xét xử, bắn giết những người yêu nước và cách mạng.

=> Trước tình hình phức tạp nói trên, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III đã được tiến hành và đề ra đường lối chung của Cách mạng Việt Nam.

2. Nội dung

a. Đường lối chung

- *Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam*, trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là thực hiện đồng thời hai chiến lược: Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

b. Đường lối xây dựng CNXH

- *Đại hội xác định rằng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt.*

Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội về kinh tế được xem là hai mặt của cuộc cách mạng xã

hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất, có quan hệ mật thiết, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau.

- *Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được xem là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.*

Cùng với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, phải tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhằm thay đổi cơ bản đời sống tư tưởng, tinh thần và văn hóa của toàn xã hội phù hợp với chế độ xã hội mới - xã hội chủ nghĩa.

c. Vai trò của miền Bắc xã hội chủ nghĩa đối với miền Nam.

- Miền Bắc là hậu phương lớn, toàn diện, vững chắc về chính trị, tư tưởng, kinh tế, quân sự và nhân lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam, góp phần quyết định vào thắng lợi cuối cùng – giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
 - + Từ năm 1959 đến năm 1975, miền Bắc đã đưa vào miền Nam hàng chục vạn cán bộ, bộ đội để xây dựng lực lượng cách mạng và trực tiếp chiến đấu.
 - + Miền Bắc đã cung cấp cho miền Nam hàng chục nghìn tấn vũ khí, đạn dược, trang thiết bị quân sự qua tuyến đường Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển.
 - + Miền Bắc đã chi viện cho miền Nam hàng trăm nghìn tấn lương thực, chủ yếu là gạo, để nuôi quân và hỗ trợ nhân dân vùng giải phóng.
 - + Hàng chục vạn thanh niên, trí thức, công nhân, nông dân từ miền Bắc đã lên đường vào Nam chiến đấu hoặc tham gia xây dựng hậu cứ cách mạng.

⇒ Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa... Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Chương 2 – Chủ đề 22 (1965-1975): Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3/1965);

Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (12/1965)

I) Hội nghị Trung ương lần thứ 11(3/1965)

1) Hoàn cảnh lịch sử

a. Tình hình quốc tế:

*Thuận lợi: Các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam trong đó Liên Xô và Trung Quốc hỗ trợ mạnh mẽ về mặt vũ khí, vật chất cho miền Bắc.

*Khó khăn: Có nhiều khó khăn. Thứ nhất là, thế giới đang trong thời kì chiến tranh lạnh với mâu thuẫn giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Thứ hai là, Mỹ leo thang chiến tranh tại Việt Nam, coi Đông Dương là "**pháo đài ngăn chặn**" chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á.

b. Tình hình trong nước:

*Miền Nam:

- Chiến lược “**Chiến tranh đặc biệt**” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn thất bại nặng nề sau các chiến thắng lớn của quân dân miền Nam, điển hình là **chiến thắng Bình Giã (12/1964)**.

- Mỹ quyết định chuyển sang chiến lược “**Chiến tranh cục bộ**”, đưa quân Mỹ và các nước chư hầu vào miền Nam Việt Nam với quy mô lớn. Điều đó thể hiện Mỹ đang ở trong tình thế khó khăn.

*Miền Bắc:

- Mỹ cũng bắt đầu thực hiện các chiến dịch ném bom miền Bắc mở đầu là chiến dịch “**Mũi Lao**”(2/1965) sau đó là “**Sấm Rền**”(3/1965)... Phá hoại cơ sở hạ tầng và ngăn cản sự chi viện cho miền Nam.

- Mỹ điên cuồng bắn phá miền Bắc nước ta, muốn đưa miền Bắc quay trở về thời kì đồ đá để cô lập cách mạng miền Nam

- Miền Bắc đối mặt với hai nhiệm vụ lớn: vừa phải xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm hậu phương chi viện cho miền Nam, vừa phải đối phó với chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Trước tình hình đó Hội nghị Trung ương lần thứ 11 đã được tiến hành, đề ra đường lối cho cách mạng miền Nam, thể hiện quyết tâm giành chiến thắng.

2) Nội dung của Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3/1965)

a, Xác định tính chất và nhiệm vụ cách mạng:

- Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp, ra Nghị quyết Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt, quyết định chuyển toàn bộ hoạt động của miền Bắc từ thời bình sang thời

chiến trên tất cả các lĩnh vực đảm bảo cho miền Bắc có đầy đủ sức mạnh đánh thắng không quân, hải quân Mỹ; tăng khả năng chi viện cho chiến trường miền Nam.

- Hội nghị đã phân tích toàn diện chiến lược và hành động mới của Mỹ và đưa ra kết luận: mặc dù Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, cuộc chiến đấu của quân dân ta sẽ gian khổ gấp bội nhưng do quân Mỹ đang trong thế thua, thế bị động nên lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không có sự thay đổi lớn.

- Kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, nhưng đấu tranh quân sự có tác dụng trực tiếp với phương châm là đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

- Hội nghị khẳng định rõ: Cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới do đế quốc Mỹ tiến hành nhằm đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, duy trì chế độ tay sai và chia cắt lâu dài đất nước ta.

- Hội nghị xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm và cấp bách của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là: phải kiên quyết đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ và thực hiện mục tiêu giải phóng hoàn toàn miền Nam, bảo vệ vững chắc miền Bắc — hậu phương lớn của cả nước, tiến tới thống nhất đất nước trên nền tảng độc lập và chủ nghĩa xã hội.

b, Chiến lược cách mạng 2 miền

**Miền Bắc:*

- Tập trung xây dựng chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương lớn cho cách mạng miền Nam.

- Đẩy mạnh phòng không, bảo vệ vững chắc các mục tiêu chiến lược, duy trì sản xuất và đời sống nhân dân.

**Miền Nam:*

- Tăng cường đấu tranh quân sự và chính trị, kết hợp chặt chẽ giữa chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích.

- Chủ động mở các chiến dịch tấn công nhằm phá thế chủ động của Mỹ, tiêu diệt sinh lực địch, đặc biệt là lực lượng quân viễn chinh Mỹ.

c, Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao:

- Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3/1965) không chỉ xác định nhiệm vụ đấu tranh quân sự là chủ yếu mà còn nhấn mạnh vai trò quan trọng của đấu tranh ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

- Đẩy mạnh đấu tranh trên mặt trận ngoại giao nhằm cô lập đế quốc Mỹ trên trường quốc tế, làm cho Mỹ rơi vào thế bị động, khó khăn.

- Vạch trần âm mưu, tội ác và bản chất xâm lược của Mỹ đối với nhân dân Việt Nam trước dư luận tiến bộ trên toàn thế giới.

- Tận dụng và tranh thủ tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô, Trung Quốc và các nước bạn bè quốc tế.

- Kết hợp sức mạnh của phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ trên toàn thế giới nhằm tạo sức ép buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh.

- Phối hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự trên chiến trường với đấu tranh ngoại giao trên bàn đàm phán, tạo thế và lực cho nhau, góp phần vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

d, Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng:

- Hội nghị nhấn mạnh vai trò lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng.

- Đề cao tinh thần đoàn kết toàn dân, củng cố niềm tin vào thắng lợi.

3) Ý nghĩa Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3/1965)

* Ý nghĩa:

- Khẳng định **quyết tâm đánh Mỹ đến cùng và thắng Mỹ**, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Củng cố niềm tin của nhân dân: Thể hiện sự lãnh đạo kiên định của Đảng, tạo niềm tin về khả năng đánh bại Mỹ.

- Khẩu hiệu “Xây dựng, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam” do Hội nghị Trung ương 11 đề ra trở thành hành động tự giác của nhân dân, kịp thời chuyển hướng kinh tế, quốc phòng, tư tưởng và tổ chức ở miền Bắc.

* Nhận xét: Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (tháng 3 năm 1965) là một sự kiện quan trọng trong lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đang ở giai đoạn gay go, quyết liệt. Đây là hội nghị có ý nghĩa quyết định trong việc định hướng chiến lược, cũng như xác định mục tiêu và phương pháp đấu tranh trong giai đoạn quyết liệt của cuộc chiến.

II) Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (12/1965)

1) Hoàn cảnh lịch sử

a. Tình hình quốc tế:

* Thuận lợi:

- Việt Nam nhận được sự viện trợ quan trọng từ các nước xã hội chủ nghĩa (Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu).

- Tuy nhiên, sự chia rẽ giữa Liên Xô và Trung Quốc ảnh hưởng đến mức độ phối hợp viện trợ cho cuộc kháng chiến.

* Khó khăn:

- Chiến tranh lạnh: Cuộc đối đầu giữa hai phe xã hội chủ nghĩa (Liên Xô, Trung Quốc) và các nước tư bản (Mỹ) tiếp tục diễn ra căng thẳng và gay gắt

- Mỹ gia tăng can thiệp quân sự tại Đông Dương, coi Việt Nam là tiền đồn ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á.

b. Tình hình trong nước:

*** Miền Nam:**

- Chiến tranh leo thang: Với chiến dịch “**Chiến tranh cục bộ**”, Mỹ đưa hơn 200.000 quân viễn chinh vào miền Nam, cùng quân đồng minh và chính quyền Sài Gòn tiến hành các cuộc hành quân “**tìm diệt**” lớn như Chiến dịch “**Ánh sao**” (8/1965) và “**Lưỡi lê bạc**” (11/1965).

- Quân dân miền Nam lập nhiều chiến công vang dội, điển hình là **chiến thắng Vạn Tường (8/1965)**, chứng minh khả năng đánh bại chiến lược “tìm diệt” của Mỹ.

*** Miền Bắc:**

- Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng các cuộc ném bom ác liệt, nhằm phá hoại cơ sở kinh tế - quốc phòng, ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam. Các khu vực trọng điểm như Hà Nội, Hải Phòng, các tuyến giao thông, cầu cảng, và kho tàng bị ném bom ác liệt.

- Miền Bắc đối mặt với “**nhiệm vụ kép**”: bảo vệ hậu phương vững chắc và chi viện ngày càng nhiều hơn cho miền Nam.

=> Đứng trước tình hình này, Trung ương Đảng đã quyết định triệu tập Hội nghị lần thứ 12 (12/1965), đề ra chủ trương quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ.

2) Nội dung Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (12/1965)

a, Xác định tính chất cuộc chiến tranh:

- Khẳng định Hội nghị lần thứ 11 là đúng đắn và tiếp tục tư tưởng quyết đánh và quyết thắng

- Quyết tâm chiến lược: Trước tình hình Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam, mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, Hội nghị Trung ương 12 đã khẳng định: mặc dù cuộc chiến trở nên gay go, ác liệt hơn nhưng so sánh lực lượng giữa ta và địch không thay đổi lớn, Mỹ vẫn trong thế bị động, bấp bấp. Trung ương nhận định: ta hoàn toàn có đủ điều kiện và sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Vì vậy, với tinh thần “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên toàn quốc, coi đây là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc.

- Mục tiêu chiến lược: Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ trong mọi tình huống, bảo vệ miền Bắc XHCN, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

- Phương châm chiến lược: Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh, kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự với chính trị, binh vận, tập trung lực lượng mở các đợt tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trên chiến trường miền Nam.

- Về tư tưởng chỉ đạo, đối với miền Nam, tiếp tục giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công liên tục trên cả ba vùng chiến lược, thực hiện ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận. Đối với miền Bắc, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, vừa chuyển hướng xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng, làm hậu phương vững chắc chi viện cho miền Nam.

- Hội nghị cũng nhấn mạnh mối quan hệ giữa hai miền: miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn; nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam gắn bó chặt chẽ với nhau. Khẩu hiệu hành động chung của cả nước lúc này là: “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”

b, Chiến lược cách mạng 2 miền:

* Miền Bắc:

- Một là, kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế phù hợp với tình hình chiến tranh phá hoại. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp, xây dựng các xí nghiệp nhỏ và vừa. Phát triển kinh tế theo từng vùng chiến lược để mỗi vùng có thể tự đảm bảo đời sống và phục vụ chiến đấu.

- Hai là, tăng cường lực lượng quốc phòng. Đẩy mạnh công tác phòng thủ, phòng không nhân dân, chống gián điệp, bảo vệ trật tự an ninh, hạn chế tổn thất cho ta và gây thiệt hại lớn cho địch. Nắm vững phương châm dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các nước XHCN.

- Ba là, chi viện cho miền Nam với mức cao nhất, đặc biệt chú trọng bảo đảm giao thông vận tải, đảm bảo “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”.

- Bốn là, chuyển hướng tư tưởng và tổ chức phù hợp với tình hình mới. Phát động toàn dân, toàn quân đứng lên chống Mỹ cứu nước với nhiều phong trào thi đua tiêu biểu như: “Ba sẵn sàng”, “Ba đảm đang”, “Tay cày tay súng”, “Tay búa tay súng”,...

→ Chủ trương trên thể hiện quyết tâm cao của Đảng và nhân dân miền Bắc kiên trì con đường XHCN, làm hậu phương vững chắc cho miền Nam, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

* Miền Nam:

- Xác định kẻ thù chủ yếu trước mắt của cách mạng miền Nam là đế quốc Mỹ xâm lược. Mỹ là lực lượng chủ yếu, nguy hiểm nhất đang trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược ở miền Nam.

- Nhiệm vụ chiến lược cơ bản và cấp bách của cách mạng miền Nam là: Đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ, đánh bại quân Mỹ và quân đội Sài Gòn, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

- Phương hướng chiến lược: Tiếp tục tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình, thống nhất đất nước.

- Phương châm và biện pháp đấu tranh: Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, trong đó lấy đấu tranh vũ trang là chủ yếu, quyết định trực tiếp đến thắng lợi trên chiến trường. Đồng thời kết hợp với nổi dậy của quần chúng và phát triển chiến tranh nhân dân trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị.

- Chủ trương phát động mạnh mẽ phong trào chiến tranh du kích rộng khắp, kết hợp ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, kinh tế, văn hoá.

c, Kết hợp quân sự, chính trị và ngoại giao

- Hội nghị xác định rõ cần kết hợp chặt chẽ các mặt trận đấu tranh để phát huy tối đa sức mạnh của toàn dân tộc và sự ủng hộ quốc tế.
- Tiếp tục đưa vấn đề Việt Nam ra diễn đàn quốc tế, làm rõ tính chính nghĩa của cuộc đấu tranh và cô lập Mỹ trên trường quốc tế.

d, Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng:

- củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến.
- Phát huy tinh thần đoàn kết dân tộc, huy động tối đa nguồn lực cả nước cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam.

3) Ý nghĩa Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (12/1965)

* Ý nghĩa:

- Hội nghị Trung ương 12 đã thể hiện rõ ý chí của toàn dân Việt Nam quyết đánh, quyết thắng chiến tranh xâm lược quy mô lớn của Mỹ.
- Củng cố tinh thần của nhân dân, đồng thời nêu cao tính tự lực, tự cường trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

* Nhận xét:

- Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (12/1965) đã thể hiện sự nhạy bén, kịp thời và đúng đắn của Đảng trong việc đề ra chủ trương lãnh đạo cách mạng miền Nam. Hội nghị đã kịp thời động viên tinh thần đấu tranh của quân và dân miền Nam, phát huy sức mạnh toàn dân, kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận, tạo cơ sở quan trọng cho những thắng lợi tiếp theo, đặc biệt là đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ (1965-1967).
- Thể hiện **quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ**, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, phản ánh đúng đắn ý chí, nguyện vọng chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Chương 3: (1975-đến nay)

CHỦ ĐỀ 28: LÀM RÕ NHỮNG BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG ĐỔI MỚI TƯ DUY QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA ĐẢNG TỪ NĂM 1979 ĐẾN NĂM 1985 (Từ năm 1979 đến trước tháng 12 năm 1986)

1. Hoàn cảnh

a) Quốc tế

- Thế giới bước vào thời kỳ Chiến tranh Lạnh, cuộc đấu tranh giữa các lực lượng cách mạng và phản cách mạng diễn ra quyết liệt.
- Mỹ thất bại và Việt Nam mất nguồn viện trợ từ Liên Xô.

b) Trong nước

- Sau chiến thắng năm 1975, Việt Nam hoàn toàn độc lập, thống nhất, bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Đất nước bị tàn phá nặng nề sau chiến tranh, nền kinh tế chủ yếu sản xuất nhỏ, gặp nhiều khó khăn.

c) Khó khăn kinh tế năm 1975-1979

- Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài; sản xuất tăng chậm và không ổn định; lạm phát tăng cao và kéo dài.
- Nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến, bị bao vây, cấm vận nhiều năm, nguồn viện trợ từ nước ngoài giảm mạnh; hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh chưa kịp hàn gắn thì chiến tranh biên giới ở hai đầu đất nước làm nảy sinh những khó khăn.
- Chính vì kinh tế kéo dài chế độ quan liêu bao cấp, buông lỏng quản lý nên tình hình kinh tế khó khăn khiến lòng tin đối với Đảng, Nhà nước bị lay động, đời sống nhân dân khó khăn.

→ Trước tình hình đó, thì một yêu cầu thực tiễn đặt ra là cần phải có những bước đột phá.

2. Các bước đột phá

a) Bước đột phá đầu tiên: Hội nghị Trung ương 6 (8-1979)

* Hoàn cảnh (nếu đề bài chỉ giao 1 đột phá):

- Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước ta thống nhất, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV và các Hội nghị Trung ương sau đó, trong những năm 1976-1979, Đảng đã lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa và đã đạt những thành tựu quan trọng.
- Từ giữa những năm 1970, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức. Mô hình hợp tác xã lớn ở miền Bắc không phù hợp. Từ cuối năm 1979, hiện tượng "khoán chui" bắt đầu xuất hiện. Ở miền Nam, ruộng đất phức tạp, thí điểm hợp tác xã ở miền Trung và Tây Nguyên diễn ra thuận lợi nhưng không vững chắc, trong khi ở Nam Bộ gặp nhiều khó khăn, sản xuất nông nghiệp suy giảm.
- Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) được coi là *bước đột phá đầu tiên* đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phá bỏ những rào cản để cho "sản xuất bung ra".
- Tháng 10-1979, Hội đồng Chính phủ ra quyết định:
 - + Thứ nhất là tận dụng đất đai nông nghiệp để khai hoang, phục hóa được miễn thuế, trả thù lao và được sử dụng toàn bộ sản phẩm.
 - + Thứ hai quyết định xóa bỏ những trạm kiểm soát để người sản xuất có quyền tự do đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường.

- Tháng 1-1981, Chỉ thị số 100-CT/TW về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp.
 - + Nội dung chỉ thị: Mỗi xã viên nhận mức khoán theo diện tích và tự mình làm các khâu, cấy, chăm sóc và thu hoạch, còn những khâu khác do hợp tác xã đảm nhiệm. Thu hoạch vượt mức khoán sẽ được hưởng và tự do mua bán.
 - Tác dụng:
 - Chủ trương được nông dân cả nước ủng hộ, nhanh chóng thành phong trào quần chúng sâu rộng.
 - Sản lượng lương thực bình quân từ 13,4 triệu tấn/năm thời kỳ 1976-1980 tăng lên 17 triệu tấn/năm thời kỳ 1981-1985; những hiện tượng tiêu cực, lãng phí trong sản xuất nông nghiệp giảm đi đáng kể.
- Trong lĩnh vực công nghiệp, trước các hiện tượng “xé rào” bù giá vào lương ở Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, Chính phủ ban hành:
 - + Quyết định số 25-CP (1- 1981) về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh.
 - + Quyết định số 26-CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước.
 - Tác dụng: Những chủ trương trên đã tạo nên động lực mới, góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp đạt kế hoạch, riêng công nghiệp địa phương vượt kế hoạch 7,5%.
- Đại hội V (1981): Báo cáo chính trị của Đảng đã đề ra những nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội trong kế hoạch 5 năm 1981-1985 trong đó mục tiêu kinh tế - xã hội những năm 80 là:
 - + Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; thúc đẩy phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận chính quan trọng nhất, trang bị thêm thiết bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế chuẩn bị cho bước phát triển mạnh mẽ của công nghiệp nặng trong chặng đường tiếp theo. Thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt, đặc biệt coi trọng tiết kiệm trong xây dựng cơ bản và sản xuất.
 - + Đổi mới một bước hệ thống quản lý kinh tế.
 - + Bảo đảm các nhu cầu về kinh tế của công cuộc củng cố quốc phòng và an ninh, bảo vệ đất nước, đồng thời huy động năng lực công nghiệp quốc phòng và sử dụng hợp lý lực lượng quân đội vào những hoạt động kinh tế thích hợp.
 - Tác dụng: với phương châm đặt nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, những chính sách của Đại hội V là nền tảng cho những thành tựu của nền nông nghiệp nước ta sau này.

b) Bước đột phá thứ hai: Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6-1985)

*** Hoàn cảnh:**

- Đại hội toàn quốc lần thứ V đánh giá thành tựu và hạn chế trong xây dựng CNXH cũng như chỉ ra nguyên nhân sa sút của nền kinh tế. Từ đó đưa ra "con đường trước mắt".
- Đại hội V của Đảng (tháng 3-1982) đã đánh giá cả thành tựu và hạn chế trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, chỉ ra nguyên nhân chủ quan của sự sa sút kinh tế là do những sai lầm trong lãnh đạo và quản lý. Để khắc phục tư tưởng nóng vội, Đại hội đưa ra khái niệm "chặng đường trước mắt" trong thời kỳ quá độ.

- Trọng tâm của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là "coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu", kết hợp hợp lý giữa nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng. Đại hội cũng công nhận sự tồn tại của năm thành phần kinh tế trong một thời gian ở miền Nam.
- Sau Đại hội V, Trung ương Đảng có nhiều Hội nghị cụ thể hoá, thực hiện Nghị quyết Đại hội:
 - + Hội nghị Trung ương 6 (7/1984) chủ trương tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông, đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do và thực hiện điều chỉnh giá, tiền lương, tài chính.
 - + Hội nghị Trung ương 7 (12/1984) đã xác định kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục coi mặt trận sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm.
- Ngoài ra, nổi bật là Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6-1985) được coi là *bước đột phá thứ hai* trong quá trình tìm tòi, đổi mới kinh tế của Đảng.
- Tại Hội nghị này, Trung ương chủ trương:
 - + Xóa quan liêu bao cấp trong giá và lương là yêu cầu hết sức cấp bách, là khâu đột phá có tính quyết định để chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.
 - + Nội dung xóa quan liêu, bao cấp trong giá và lương là tính đủ chi phí hợp lý trong giá thành sản phẩm; giá cả bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý, người sản xuất có lợi nhuận thỏa đáng và Nhà nước từng bước có tích lũy; xóa bỏ tình trạng Nhà nước mua thấp, bán thấp và bù lỗ; thực hiện cơ chế một giá trong toàn bộ hệ thống, khắc phục tình trạng thả nổi trong việc định giá và quản lý giá.
 - + Giá, lương, tiền coi là khâu đột phá để chuyển đổi cơ chế. Thực hiện trả lương bằng tiền có hàng hoá bảo đảm, xoá bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp, thoát ly giá trị hàng hoá.
 - + Xoá bỏ các khoản chi của ngân sách trung ương, địa phương mang tính chất bao cấp tràn lan. Nhanh chóng chuyển hẳn công tác ngân hàng sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.
- Tác dụng: Đây là những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Tuy kế hoạch cải cách giá – lương – tiền đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng trong thời gian cuối năm 1985, song chính điều này đã làm cho Đảng và Chính phủ nhận ra rằng đã cải cách là phải cải cách triệt để.

c) **Bước đột phá thứ ba: Hội nghị Bộ Chính trị khoá V (8-1986)**

* **Hoàn cảnh**: Tháng 8-1986, trong quá trình chuẩn bị Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội VI, Bộ Chính trị đã xem xét các vấn đề lớn, mang tính bao trùm trên lĩnh vực kinh tế, từ đó đưa ra "Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế".

- Hội nghị Bộ Chính trị khoá V (8-1986) là *bước đột phá thứ ba về đổi mới kinh tế*, đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới của Đảng.
- Bộ chính trị đã tập trung thảo luận và kết luận về một số vấn đề quan điểm kinh tế. Đó là: cơ cấu kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa, cơ chế quản lý kinh tế.
- Về cơ cấu sản xuất:

- + Đầu tiên, cần tiến hành một cuộc điều chỉnh lớn về cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư theo hướng thật sự lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, việc phát triển công nghiệp nặng phải có lựa chọn cả về quy mô và nhịp độ, chú trọng quy mô vừa và nhỏ, phát huy hiệu quả nhanh nhằm phục vụ đắc lực yêu cầu phát triển nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và xuất khẩu.
- + Tiếp đến, cần tập trung lực lượng, trước hết là vốn và vật tư, thực hiện cho được ba chương trình quan trọng nhất về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu.
- Tác dụng: Giải quyết căn bản các vấn đề về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và tạo nguồn hàng cho xuất khẩu.
- Về cải tạo xã hội chủ nghĩa:
 - + Đầu tiên, phải biết lựa chọn bước đi và hình thức thích hợp trên quy mô cả nước cũng như từng vùng, từng lĩnh vực.
 - + Thứ hai, phải nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần.
 - + Thứ ba, phải sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế; cải tạo xã hội chủ nghĩa đó là thay đổi cả chế độ quản lý, chế độ phân phối, đây là một quá trình gắn liền với mỗi bước phát triển của lực lượng sản xuất, vì vậy không thể làm một lần hay trong một thời gian ngắn là xong.
 - Tác dụng: Phát triển lực lượng sản xuất, tận dụng các tiềm năng, tạo thêm việc làm cho người lao động.
- Về cơ chế quản lý: Hội nghị cho rằng, bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, làm cho hai mặt ăn khớp với nhau tạo ra động lực mới thúc đẩy sản xuất phát triển. Nội dung:
 - + Đối với kế hoạch hóa theo nguyên tắc phát huy vai trò chủ đạo của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, sử dụng đúng đắn các quy luật của quan hệ hàng hóa - tiền tệ.
 - + Phân công, phân cấp quyền tập trung thống nhất của Trung ương trong những khâu then chốt về kinh tế, quyền chủ động của địa phương, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở.
 - Tác dụng: Giải phóng các năng lực sản xuất; tạo ra động lực thúc đẩy các đơn vị kinh tế và quần chúng lao động hăng hái phát triển kinh tế hàng hóa theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao.

3. Ý nghĩa

- Nhìn một cách khái quát, những đổi mới tư duy kinh tế trên đây là những nhận thức về sự cần thiết phải giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, sự cần thiết phải tạo ra động lực thiết thực cho người lao động - đó là quan tâm đến lợi ích kinh tế, lợi ích vật chất thiết thân của người lao động.
- Những tư duy đổi mới về kinh tế đó tuy mới mang tính chất từng mặt, từng bộ phận, chưa cơ bản và toàn diện, nhưng lại là những bước chuẩn bị quan trọng, tạo tiền đề để phát triển đất nước.

*** Rút ra nhận xét tính tất yếu (sự cần thiết) phải đổi mới về tư duy kinh tế sau 10 năm Xây dựng CNXH trên cả nước (1975-1985).**

- Từ năm 1975 - 1985 là những năm đất nước phải đương đầu với hai cuộc chiến tranh biên giới rất phức tạp, phải đối phó với chính sách bao vây cấm vận của các thế lực thù địch, đồng thời cũng là những năm mà nhược điểm của mô hình và cơ chế quản lý cũ đã bộc lộ ra rất rõ và trở thành lực cản lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, nếu không đổi mới sẽ mất quyền lãnh đạo.
- Để khắc phục tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày càng trầm trọng, Đảng và nhân dân ta đã liên tục tiến hành những tìm tòi, thử nghiệm nhằm tháo gỡ khó khăn, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.
- Những tìm tòi, thử nghiệm về đường lối của Đảng và nhân dân ta ở thời kỳ nay tuy chưa khắc phục được khủng hoảng kinh tế - xã hội nhưng đã tạo ra những tiền đề cần thiết cho việc hình thành đường lối đổi mới toàn diện sau này.

Chương III

Chủ đề 32. Phân tích nội dung cơ bản của chủ trương đổi mới xây dựng nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Đại hội VI (12/1986)

1. Hoàn cảnh ra đời Đại hội VI

a, Hoàn cảnh Thế giới

- Từ giữa thập kỷ 80 của thế kỉ XX, cuộc cách Mạng khoa học kĩ thuật phát triển mạnh, xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu, đổi mới đã trở thành xu thế của thời đại

- Liên Xô và các nước XHCN tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng XHCN

b, Hoàn cảnh trong nước

- Việt Nam bị bao vây, cấm vận, nguồn viện trợ từ nước ngoài giảm mạnh; hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh chưa kịp hàn gắn thì chiến tranh ở biên giới làm nảy sinh những khó khăn mới.

- Kinh tế Việt Nam lâm vào khủng hoảng ngày càng trầm trọng. Lương thực, thực phẩm thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, lạm phát cao tăng từ 300% năm 1985 lên hơn 774% năm 1986, đời sống nhân dân rất khó khăn. Các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật, vượt biên trái phép diễn ra khá phổ biến.

- Sai lầm trong đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, bước đi, bố trí cơ cấu kinh tế; sai lầm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phân phối, lưu thông; duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp.

- Lòng tin với Đảng của nhân dân bị giảm sút.

=> Từ những bài học kinh nghiệm của Liên Xô và các nước XHCN, kết hợp với tình hình bế tắc, khủng hoảng của đất nước, đã đặt ra vấn đề bức thiết: Đảng và Nhà nước cần phải tiến hành đổi mới đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI họp tại Hà Nội (12/1986) để bàn về vấn đề đổi mới toàn diện đất nước, trọng tâm là kinh tế.

2. Nội dung đổi mới tư duy về mặt kinh tế

a. Đại hội rút ra 4 bài học quý báu

- Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc".

- Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

- Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

- Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng XHCN.

b. Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế.

- Tăng cường nguồn tích lũy tập trung của nhà nước, tranh thủ vốn nước ngoài, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế.

- Xây dựng và củng cố mối quan hệ sản xuất XHCN, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế, chủ trương phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể tăng cường nguồn tích lũy tập chung của nhà nước, tranh thủ vốn nước ngoài, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo.

c. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

+ Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường.

+ Phương hướng đổi mới cơ chế quản lý là xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế.

+ Thực chất của cơ chế mới về quản lý kinh tế là cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh XHCN đúng nguyên tắc tập trung dân chủ

d. Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát

- Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy

- Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

- Muốn thực hiện những mục tiêu của Ba chương trình kinh tế thì nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp, ngư nghiệp, phải được đặt vào vị trí hàng đầu và được ưu tiên đầu tư để nhanh chóng đáp ứng nhu cầu về lương thực-thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu...

- Công cuộc đổi mới bước đầu đạt thành tựu, trước tiên trong việc thực hiện các mục tiêu của Ba chương trình kinh tế.

+ Về lương thực-thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên, năm 1988 còn phải nhập 45 vạn tấn gạo, đến năm 1989, chúng ta đã vươn lên đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân.

+ Hàng hóa trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng, dồi dào và lưu thông tương đối thuận lợi, trong đó nguồn hàng sản xuất trong nước tuy chưa đạt kế hoạch nhưng vẫn tăng hơn trước và có tiến bộ về mẫu mã, chất lượng.

+ Các cơ sở sản xuất gắn chặt với nhu cầu thị trường. Phân bao cấp của Nhà nước về vốn, giá, vật tư, tiền lương... giảm đáng kể.

+ Chúng ta tăng thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo, dầu thô và một số mặt hàng mới khác.

e. Đại hội cũng nêu ra 5 phương hướng phát triển kinh tế

- Bố trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa
- Sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế
- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.
- Phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật.
- Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại:
 - + Công bố chính sách khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức, nhất là đối với các ngành và cơ sở đòi hỏi kỹ thuật cao, làm hàng xuất khẩu.
 - + Đi đôi với việc công bố luật đầu tư cần có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều vào nước ta để hợp tác kinh doanh.

3. Ý nghĩa, nhận xét

a, Ý nghĩa

- Đây là mở đầu cho quá trình đổi mới toàn diện của đất nước, là Đại hội kế thừa và quyết tâm đổi mới, đoàn kết bền lâu. Đánh dấu sự trưởng thành của Đảng về bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo.
- Mở đường cho đất nước thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội. Từ đổi mới tư duy đến đổi mới tổ chức, cán bộ và phong cách lãnh đạo.
- Đường lối đổi mới do Đại hội 6 đề ra thể hiện sự phát triển tư duy lý luận, khả năng tổng kết và tổ chức thực tiễn của Đảng mở ra thời kỳ mới của sự nghiệp cách mạng nước ta trên con đường đi lên CNXH.

b, Nhận xét

- Ở nước ta bước đầu đã hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước
- Chủ trương này thực sự phát huy quyền làm chủ kinh tế của nhân dân, khơi dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của quần chúng để phát triển sản xuất và dịch vụ, tạo thêm việc làm cho người lao động và tăng sản phẩm cho xã hội.
- Đại hội đã hoạch định đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc và triệt để. Đó là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng toàn dân và cũng thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của Đảng trước đất nước và dân tộc.

Chương 3 (1975 - Nay)

Chủ đề 33: Phân tích những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam được Đại hội VII (6/1996) đưa ra và Đại hội XI (1/2011) bổ sung, phát triển

1. Hoàn cảnh lịch sử ĐH Đảng lần thứ VII (năm 1991)

a, Tình hình quốc tế:

- Diễn ra các cuộc tấn công quyết liệt của các thế lực thù địch đế quốc và phản động vào các lực lượng hoà bình, độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội nhằm tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội bằng mọi thủ đoạn thâm độc.
- Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ (1991), tác động vô cùng khó khăn đến tình hình thế giới

b, Tình hình trong nước:

- Sau hơn 4 năm thực hiện đường lối đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội có những chuyển biến tích cực, song vẫn chưa thoát khỏi khủng hoảng.
- Sự khủng hoảng và sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa đã tác động không nhỏ tới lập trường, tư tưởng và niềm tin vào chủ nghĩa xã hội của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Trước tình hình trên, kiên trì theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đại hội đại biểu lần thứ VII đã đề ra cương lĩnh xây dựng đất nước và nêu lên 6 đặc trưng cơ bản của CN XHVN.

2. Nội dung 6 đặc trưng cơ bản của CN XHVN do ĐH VII (1991) đề ra và tính ưu việt của những đặc trưng đó:

- Thứ nhất là Do nhân dân lao động làm chủ

"Làm chủ" là bản chất và quyền tự nhiên của con người, vì xã hội do chính con người xây dựng. Lịch sử đấu tranh tiến bộ của nhân dân thế giới chính là quá trình giành và thực hiện quyền làm chủ. Chỉ dưới chủ nghĩa xã hội, nhân dân mới thực sự có được quyền này. Vì vậy, "nhân dân làm chủ xã hội" là đặc trưng quyết định của xã hội xã hội chủ nghĩa. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thể hiện xã hội do nhân dân làm chủ, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển đất nước.

-> Tính ưu việt của CNXH ở nước ta thể hiện qua nền dân chủ XHCN, kết hợp tư tưởng Mác - Lênin về cách mạng quần chúng với truyền thống "dân là gốc" của dân tộc và tư tưởng Hồ Chí Minh: "Dân chủ là dân làm chủ".

- Thứ hai là *Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu*

Một xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng trước hết cần nền kinh tế phát triển – nền tảng vật chất quyết định sự vững mạnh xã hội. Kinh tế phát triển phải dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại, mà cốt lõi là đại công nghiệp gắn với khoa học - công nghệ. Như Mác khẳng định, chỉ đại công nghiệp mới tạo nền tảng cho CNXH, thúc đẩy năng suất và hình thành phương thức sản xuất tiên bộ.

-> Tính ưu việt về kinh tế của CNXH ở nước ta thể hiện ở việc từng bước xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, đảm bảo định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần. Đây là điểm khác biệt căn bản so với các chế độ xã hội khác.

- Thứ ba là *Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*

Kinh tế phát triển tạo nền tảng vật chất, thì văn hóa chính là sức mạnh tinh thần thúc đẩy xã hội. Văn hóa kết tinh tinh hoa dân tộc và thời đại, vừa giữ gìn bản sắc riêng, vừa tiếp thu tinh hoa nhân loại. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã hội chủ nghĩa.

-> Tính ưu việt về văn hóa trong CNXH ở nước ta thể hiện ở nền văn hóa tiên tiến nhưng vẫn giữ vững bản sắc dân tộc. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chúng ta không chỉ khẳng định đặc trưng này mà còn phải hiện thực hóa nó bằng cách tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam, góp phần xây dựng nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, vừa hiện đại, vừa mang đậm bản sắc Việt.

- Thứ tư là *Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân*

Xã hội xã hội chủ nghĩa là đích đến cao đẹp nhất của nhân loại, nơi con người được ấm no, tự do và hạnh phúc. Tự do không chỉ là thoát khỏi áp bức mà còn là cơ hội phát triển toàn diện trí tuệ, tình cảm và năng lực. Như C.Mác khẳng định, hạnh phúc - sự hài hòa, mãn nguyện thanh cao - mới là đặc trưng cốt lõi. Một xã hội văn minh thực sự phải đem lại hạnh phúc toàn diện cho con người, vượt lên trên vật chất đơn thuần.

-> Tính ưu việt của CNXH thể hiện rõ nhất ở con người XHCN - trung tâm của mọi phát triển. CNXH chính là chủ nghĩa nhân văn thực tiễn: mọi chính sách đều vì sự phát triển toàn diện con người (đức, trí, thể, mỹ). Đây chính là tư tưởng xuyên suốt trong đường lối của Đảng và Nhà nước ta.

- Thứ năm là *Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ*

Bình đẳng và đoàn kết là hai trụ cột cho sự phát triển bền vững của xã hội XHCN. Bình đẳng không chỉ là quyền cơ bản của mỗi công dân mà còn là nguyên tắc áp dụng cho mọi cộng đồng, dân tộc - thể hiện trình độ phát triển và tính nhân văn của xã hội. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công", tinh thần này vừa là sức mạnh truyền thống, vừa là giá trị cốt lõi

của xã hội XHCN.

-> Chính sách dân tộc ưu việt của CNXH đảm bảo bình đẳng toàn diện giữa các dân tộc về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, bất kể đa số hay thiểu số, trình độ phát triển. Khác với các chế độ áp bức, CNXH xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau, thu hẹp khoảng cách phát triển.

- Thứ sáu là *Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới*

Hội nhập quốc tế là yêu cầu tất yếu đối với sự phát triển của Việt Nam XHCN. Chúng ta chủ trương mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước để cùng phát triển, qua đó tiếp thu thành tựu, rút ngắn lộ trình phát triển. Điều này không chỉ mang lại lợi ích quốc gia mà còn thể hiện bản chất nhân văn cao đẹp của CNXH - khát vọng hòa bình, hợp tác vì sự tiến bộ chung của nhân loại.

-> Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Việt Nam thể hiện rõ tính ưu việt CNXH trong hội nhập quốc tế. Chúng ta kiên trì chính sách hòa bình, hợp tác, đa phương hóa quan hệ, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế. Qua đó khẳng định thành công mô hình XHCN Việt Nam - vừa bảo vệ chủ quyền, vừa mở rộng hợp tác quốc tế vì phát triển.

3. Sự bổ sung và phát triển các đặc trưng của CNXH do Đại hội XI (2011) đề ra:

So với Cương lĩnh 1991 (Đại hội VII), Cương lĩnh 2011 (Đại hội XI) đã:

*** *Giữ nguyên đặc trưng thứ 3: Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc***

*** *Các đặc trưng được điều chỉnh và hoàn thiện:***

- Đặc trưng thứ nhất được điều chỉnh từ “do nhân dân lao động làm chủ” thành “do nhân dân làm chủ”.

- Đặc trưng thứ 2 “Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu” được bổ sung bằng “Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp”.

- Đặc trưng thứ 4 “được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bắt công làm theo năng lực, hưởng theo lao động” được lược bỏ và xác định là “Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”.

- Đặc trưng thứ 5 “Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ” được điều chỉnh thành “Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”.

- Nếu Cương lĩnh 1991 xác định đặc trưng thứ 6 của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là “Có

quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới" thì trong Cương lĩnh 2011, nó được diễn đạt một cách chính xác hơn - "Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới".

*** *Bổ sung hai đặc trưng cơ bản mà nhân dân ta phải xây dựng:***

- *Bấy là Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh:* Giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là những giá trị xã hội tốt đẹp nhất, ước mơ ngàn đời của loài người, cho nên cũng là mục tiêu phấn đấu của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, đây là đặc trưng phổ quát, có tính bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa, nó thể hiện sự khác nhau căn bản, sự tiến bộ hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa so với các chế độ xã hội trước đó. Xã hội tư bản có đời sống vật chất và tiện nghi rất cao; dân có thể giàu, nước có thể mạnh, nhưng từ trong bản chất của chế độ xã hội tư bản, ở đó không thể có công bằng và dân chủ: nhà nước là nhà nước tư sản; giàu có là cho nhà tư bản; sự giàu mạnh có được bằng quan hệ bóc lột. Trong xã hội như vậy, người dân không thể là chủ và làm chủ xã hội.

-> Ở nước ta, chủ nghĩa xã hội phải thể hiện tính ưu việt qua thực tiễn, kế thừa quan điểm Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ.

- *Tám là Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo:*

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhà nước quản lý và điều hành đất nước và xã hội bằng pháp luật thể hiện quyền lợi và ý chí của nhân dân; vì vậy, là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đây là nhà nước mà tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân với nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

-> Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước của dân, do dân, vì dân, do Đảng lãnh đạo. Nhà nước bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, đồng thời kiên quyết phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí - thể hiện rõ bản chất ưu việt của CNXH mà chúng ta xây dựng.

4. Ý nghĩa và nhận xét ĐH Đảng lần thứ XI (2011)

a. Ý nghĩa:

- Đại hội có ý nghĩa trọng đại, định hướng cho toàn Đảng, toàn dân ta tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Đại hội có ý nghĩa quốc tế sâu sắc: Đảng ta đã thể hiện tầm nhìn có tính nguyên tắc, sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, đồng thời khẳng

định và kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phấn đấu đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

b. Nhận xét:

Đại hội XI của Đảng đã định hướng cho toàn Đảng, toàn dân tiếp tục phát huy sức mạnh đoàn kết, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

CHƯƠNG 3: (1975-đến nay)

CHỦ ĐỀ 35: PHÂN TÍCH QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC CỦA ĐẠI HỘI VIII (7/1996)

1. Hoàn cảnh Đại hội Đảng lần thứ VIII năm 1996

Đại hội VIII diễn ra từ ngày 28-6 đến 1-7-1996 tại Hà Nội, trong bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều biến động lớn.

a) Quốc tế

Chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào thoái trào sau sự tan rã của Liên Xô và khối xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ đang phát triển mạnh mẽ, đặt ra yêu cầu cấp thiết về đổi mới mô hình phát triển, tăng cường hội nhập và thích ứng.

b) Trong nước

Sau 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới từ năm 1986, Việt Nam đạt được những thành tựu đáng kể trên nhiều lĩnh vực: kinh tế tăng trưởng, chính trị ổn định, quốc phòng – an ninh được củng cố, quan hệ đối ngoại mở rộng.

→ Đây là cơ sở, điều kiện để đẩy mạnh đổi mới đất nước.

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn là một nước nghèo, nền kinh tế kém phát triển, xã hội còn nhiều tiêu cực, bất cập.

→ Tình hình thế giới và thực tiễn công cuộc đổi mới đặt ra cho Đảng ta cần thực hiện những nhiệm vụ và bước đi mới để giải quyết những khó khăn đó.

Vì vậy, Đại hội Đảng lần thứ VIII năm 1996 đã nêu lên những chủ trương, quan điểm để đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

2. Nội dung

a. Nhận định của Đảng

- Tổng kết 10 năm đổi mới (1986-1996) đất nước thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ hơn.
- Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
- Đại hội cũng nêu ra sáu bài học chủ yếu qua 10 năm đổi mới.

- Đại hội nhận định, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thành tựu của đổi mới. Đảng phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, khắc phục các khuyết điểm, biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Đảng phải mạnh từ Trung ương đến cơ sở, ở tất cả các cấp, các ngành.
- Cần phải giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng ; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên; chăm lo xây dựng cán bộ, chú trọng đội ngũ cán bộ chủ chốt, chuẩn bị tốt cán bộ kế cận; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng,...

b. Quan điểm

Trên cơ sở các quan điểm của Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Nghị quyết Hội nghị Trung ương bảy khóa VII, Đại hội VIII đã bổ sung, phát triển thành 6 quan điểm lớn chỉ đạo quá trình CNH, HĐH:

1) Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước và chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài.

* Nội dung:

- Giữ vững độc lập, tự chủ là điều kiện tiên quyết giúp nước ta hướng đến sự phát triển bình ổn lâu dài.
- Đồng thời, việc mở rộng quan hệ quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ đối ngoại là phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế hiện nay.

* Biện pháp:

- Tăng cường hợp tác quốc tế giúp nước ta mở rộng thị trường ở các lĩnh vực như nông – lâm – ngư nghiệp, dịch vụ, du lịch,...
- Đồng thời tạo điều kiện tiếp thu thành tựu khoa học, công nghệ, thúc đẩy giao lưu văn hóa. Tuy nhiên, cần tránh phụ thuộc vào nguồn lực bên ngoài để giữ quyền tự chủ kinh tế, tránh ảnh hưởng bởi tác động ngoại lai.

Do đó, nước ta định hướng lấy nội lực làm trọng tâm, đồng thời tận dụng cơ hội từ bên ngoài để phát triển bền vững.

2) CNH, HĐH là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

* Nội dung:

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ mang tính vĩ mô, là sự nghiệp của toàn dân và của mọi thành phần kinh tế.
- Trong quá trình đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, định hướng và thúc đẩy sự phát triển chung.

* Biện pháp:

- Cần công nghiệp hóa ngay từ hoạt động lao động, sản xuất hàng ngày. Mọi tầng lớp nhân dân và các thành phần kinh tế phải chung sức thực hiện nhiệm vụ này.
- Kinh tế nhà nước thông qua chính sách và nguồn lực đóng vai trò động viên, hỗ trợ và củng cố tinh thần cho các lực lượng khác cùng tham gia vào quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3) Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

* Nội dung:

- Nguồn lực con người là yếu tố then chốt trong sự phát triển của đất nước.
- Việc phát huy tối đa năng lực con người là điều kiện tiên quyết để xây dựng một nền kinh tế hiện đại, phù hợp với yêu cầu của thời đại mới.

* Biện pháp:

- Tận dụng quan hệ quốc tế để mở rộng hợp tác giáo dục – đào tạo với các nước phát triển, từ đó nâng cao dân trí và tay nghề người lao động.
- Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII đã đưa ra các nghị quyết quan trọng về giáo dục – đào tạo, với nhiều chính sách trọng dụng nhân tài, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

4) Khoa học và công nghệ là động lực của CNH, HĐH. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại; tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

* Nội dung:

- Khoa học và công nghệ đóng vai trò động lực quan trọng thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Việc kết hợp giữa công nghệ truyền thống và công nghệ hiện đại, cùng với chiến lược đầu tư chọn lọc, là hướng đi hiệu quả cho các quốc gia đang phát triển.

* Biện pháp:

- Ứng dụng máy móc, tự động hóa để thay thế phương thức sản xuất lạc hậu, kém hiệu quả. Việc đổi mới phải được tiến hành đồng bộ giữa các ngành và các vùng, nhưng cũng cần lựa chọn trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế.
- Đại hội Đảng VIII đã xác định rõ cần tập trung cải tiến ở những khâu then chốt để tối ưu nguồn lực, từ đó từng bước nâng cao toàn diện các lĩnh vực khác.

5) Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. Đầu tư chiều sâu, khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có.

* Nội dung:

- Hiệu quả về kinh tế – xã hội là tiêu chí hàng đầu để lựa chọn phương án phát triển, các dự án đầu tư và công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Đây là yếu tố quyết định tính khả thi và bền vững của mỗi bước đi.

* Biện pháp:

- Nguồn lực quốc gia tuy phong phú nhưng có giới hạn, nên cần được sử dụng một cách hợp lý, hiệu quả.
- Mọi chính sách đầu tư về khoa học – công nghệ cần được cân nhắc kỹ lưỡng, tránh lãng phí. Chỉ nên lựa chọn những công nghệ mang lại hiệu quả rõ rệt về kinh tế và xã hội để tránh đi vào hướng phát triển không phù hợp.

6) Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh.

* Nội dung:

- Phát triển kinh tế phải luôn gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng – an ninh.
- Đây là nguyên tắc phát triển toàn diện, bảo đảm sự ổn định và chủ quyền quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

* Biện pháp:

- Mở rộng giao thương, hợp tác quốc tế tạo cơ hội phát triển nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ đe dọa đến an ninh quốc gia. Do đó, phải đồng thời củng cố quốc phòng, giữ vững độc lập, chủ quyền.
- Khi kinh tế phát triển, điều kiện sống và cơ sở vật chất cho lực lượng quốc phòng cũng được cải thiện, góp phần bảo vệ vững chắc tổ quốc cả về kinh tế lẫn an ninh chính trị.

Như vậy, so với đường lối CNH Xã hội chủ nghĩa trước đây thì quan niệm CNH, HĐH theo đường lối của Đại hội VIII đã có sự khác nhau căn bản về hình thức, nội dung, bước đi và giải pháp tiến hành, đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng về CNH đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

c. Chủ trương và nhiệm vụ của Đảng

* Chủ trương:

- Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm; phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế.
- Cạnh tranh để công nghiệp hoá, khắc phục xu hướng chạy theo “xã hội tiêu dùng”.
- Tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- Hướng mạnh về xuất khẩu, nhưng không được coi nhẹ sản xuất trong nước và thị trường trong nước.

- Thực hiện cơ chế thị trường, nhưng Nhà nước phải quản lý và điều tiết theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội.

* Nhiệm vụ:

- Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hợp tác hoá, dân chủ hoá.
- Đẩy mạnh đổi mới, phát triển và quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hoá hệ thống tài chính-tiền tệ; thực hành triệt để tiết kiệm.
- Tích cực giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế- xã hội.

3. Ý nghĩa lịch sử và nhận xét

a. Ý nghĩa

- Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt của Đảng, đưa đất nước sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Góp phần nâng cao đời sống nhân dân và khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế, tạo nền tảng cho hội nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới.

b. Nhận xét

- Đại hội VIII diễn ra trong bối cảnh đất nước đã qua 10 năm đổi mới, đạt nhiều thành tựu nhưng vẫn còn khó khăn, thách thức lớn
- Đại hội xác định: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ mới.
- Quan điểm CNH, HĐH mang tính toàn diện, nhấn mạnh vai trò của con người, khoa học – công nghệ, hiệu quả kinh tế – xã hội.
- Kết hợp độc lập tự chủ với mở rộng hợp tác quốc tế, tận dụng nội lực và ngoại lực.
- Phát triển kinh tế thị trường nhưng phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo công bằng và bền vững.

CHƯƠNG 3

Chủ đề 36: Phân tích luận điểm “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nông trí thức do Đảng lãnh đạo..” của Đại hội IX (4/2001). Để thực hiện được luận điểm đó, chúng ta phải làm gì?

1. Hoàn cảnh đại hội đại biểu toàn Đảng toàn quốc lần thứ IX .

a. Hoàn cảnh quốc tế

- Chiến tranh Lạnh kết thúc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ (cuối thập niên 1980 - đầu 1990), dẫn đến sự suy giảm ảnh hưởng của phong trào cộng sản quốc tế.
- Toàn cầu hóa và cách mạng khoa học – công nghệ phát triển mạnh, đặc biệt là công nghệ thông tin, đặt ra nhiều cơ hội và thách thức mới đối với các quốc gia đang phát triển.
- Nhiều quốc gia chuyển hướng sang phát triển kinh tế thị trường, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế.

b. Hoàn cảnh trong nước

- Sau 15 năm đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thế và lực mới nhưng nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả cạnh tranh thấp. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm mà đại hội VII đề ra là 9-10% đã không đạt.
- Còn nhiều tồn tại và thách thức: chênh lệch giàu nghèo gia tăng, tham nhũng, yếu kém trong quản lý nhà nước, môi trường bị suy thoái...

Trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình thế giới và trong nước, đại hội lần thứ IX đã được tiến hành và đề ra động lực để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nông trí thức do Đảng lãnh đạo

2. Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nông trí thức do Đảng lãnh đạo.

a. Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là Đại đoàn kết toàn dân

- Quần chúng nhân dân được cho là lực lượng cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội quyết định, là động lực của sự phát triển lịch sử. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.
- Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề chiến lược, là nguồn sức mạnh, quyết định thành công của cách mạng
 - Cách mạng muốn chiến thắng cần có đủ sức mạnh. Sức mạnh đó chính là khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
 - Đại đoàn kết toàn dân tộc là chiến lược lâu dài, nhất quán của cách mạng Việt Nam, luôn luôn không thay đổi trong các giai đoạn cách mạng.
 - Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”, “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại thành công”
- Đại đoàn kết toàn dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam:
 - Lãnh đạo cách mạng Việt Nam là Đảng Cộng sản. Vậy nên đại đoàn kết dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng.
 - Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, phải do quần chúng, vì quần chúng. Đại đoàn kết dân tộc không phải chỉ là mục tiêu của Đảng, mà còn là nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc.

=> Đại đoàn kết toàn dân tộc là một truyền thống cực kỳ quý báu và là bài học lịch sử vô giá của dân tộc Việt Nam trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Sức mạnh của dân tộc ta là sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Tóm lại muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì toàn dân phải đoàn kết lâu dài, cùng nhau tiến bộ.

b. Liên minh Công nhân, nông dân và trí thức.

- **Đặc điểm của các tầng lớp:**
 - **Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo:**
 - **Vị trí:** Lực lượng nòng cốt, trung tâm của khối liên minh công–nông–trí, là cơ sở chính trị – xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước.
 - **Sứ mệnh:** Dẫn dắt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tiên phong

trong sản xuất công nghiệp và phát triển kinh tế đất nước.

- **Vai trò:** Tập hợp, vận động và phối hợp với nông dân, trí thức để thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời đảm bảo an sinh xã hội và tiến bộ xã hội.

○ **Giai cấp nông dân:**

- **Vị trí:** Lực lượng đông đảo nhất, giữ vai trò “trụ đỡ” cho nền kinh tế, đảm bảo an ninh lương thực và ổn định xã hội nông thôn.
- **Sứ mệnh:** Tiên phong trong xây dựng nông thôn mới, công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, đóng góp vào phát triển bền vững.
- **Vai trò:** Phối hợp với công nhân và trí thức trong khối liên minh để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và phát triển xã hội.

○ **Trí Thức:**

- **Vị trí:** Lực lượng đặc biệt quan trọng, “nguyên khí quốc gia”, nòng cốt trong sáng tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ.
- **Sứ mệnh:** Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và bồi đắp tri thức cho xã hội.
- **Vai trò:** Tiếp thu khoa học công nghệ, vận dụng và sáng tạo khoa học công nghệ mới

● **Mối quan hệ giữa giai cấp lãnh đạo và lực lượng cách mạng đông đảo nhất**

- Liên minh giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức là sự kết hợp của các giai cấp, tầng lớp, có vai trò quan trọng như nhau.
- Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

- Chỉ có giai cấp công nhân lãnh đạo thì nông dân mới được giải phóng. Cũng chỉ có thắt chặt liên minh với nông dân thì giai cấp công nhân mới lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi. Cho nên công nhân phải chăm chú đến vấn đề nông dân, phải củng cố công nông liên minh
- Đảng xác định nông dân, công nhân, lao động trí óc đều phải dựa vào nhau, “Nông dân không có sự giúp đỡ của công nhân thì không được. Công nhân không có nông dân cũng không được. Lao động trí óc không có công nhân, nông dân cũng không được”.

=> Liên minh công - nông - trí thức là hạt nhân, cơ sở của khối đại đoàn kết dân tộc, khối đại đoàn kết toàn dân, tập hợp, thu hút mọi lực lượng yêu nước, tiến bộ vào một mặt trận chung thống nhất vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

c. Sự lãnh đạo của Đảng

- Đảng là người tổ chức, định hướng và lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân
 - Đảng là lực lượng duy nhất đủ uy tín, tầm nhìn và bản lĩnh để gắn kết toàn dân tộc.
 - Đảng không chỉ kêu gọi đoàn kết, mà trực tiếp tổ chức, dẫn dắt khối đại đoàn kết đi đến mục tiêu phát triển bền vững.
- Đảng ban hành chủ trương, chính sách để các lực lượng phát huy vai trò
 - Liên minh công – nông – trí thức chỉ trở thành động lực thực sự khi có đường lối đúng đắn.
 - Đảng giữ vai trò “kiến trúc sư trưởng” – thiết kế thể chế, mở đường cho các lực lượng xã hội phát triển và đóng góp.
- Vai trò lãnh đạo của Đảng bảo đảm sự thống nhất về chính trị – tư tưởng – hành động
 - Giữa một xã hội đa dạng lợi ích, Đảng là hạt nhân tạo sự đồng thuận quốc gia.
 - Chính sự lãnh đạo tập trung, xuyên suốt của Đảng đã giúp Việt Nam giữ được ổn định chính trị – nền tảng để phát triển bền vững.

- Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố để có thể đoàn kết được mọi lực lượng dân tộc đó

3. Để thực hiện được luận điểm đó chúng ta phải làm gì.

a. Lấy mục tiêu chung làm cơ sở để đoàn kết toàn dân

- Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cần phản ánh lợi ích, nguyện vọng của nhân dân, để tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng.
- Cần đề cao vai trò các tầng lớp: công – nông – trí thức, nhất là trí thức: chú trọng giáo dục, cải thiện môi trường học tập, đội ngũ, giáo trình, cơ sở vật chất.

b. Giữ vững độc lập, thống nhất Tổ Quốc

- Lấy "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" là mục tiêu chung, là chất kết dính gắn bó mọi tầng lớp nhân dân, dân tộc, tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

c. Xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau

- Chấp nhận kinh tế nhiều thành phần, sự khác biệt về thu nhập, lối sống, lợi ích giữa các tầng lớp trong xã hội.
- Thực hiện đại đoàn kết ở tầm cao mới cần:
 - Xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần.
 - Tôn trọng ý kiến khác biệt không trái với lợi ích dân tộc.

4. Ý nghĩa

- Đại hội IX của Đảng là đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới
- Thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của toàn Đảng, toàn dân trong thời điểm trọng đại của dân tộc
- Mở đường cho đất nước ta nắm lấy cơ hội, vượt qua thách thức tiến vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, thực hiện mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

5. Nhận xét

- Đảng đã chỉ ra động lực phát triển đất nước một cách toàn diện, để đất nước ta thoát khỏi tình trạng khó khăn

Chương 3:

Chủ đề 37: Phân tích những bài học lớn của 20 năm đổi mới (1986 – 2006) được Đại hội X (4/2006) của Đảng đưa ra.

1. Hoàn cảnh Đại hội Đảng lần thứ X (2006)

a) Hoàn cảnh quốc tế

- Trên thế giới, tình hình quốc tế diễn ra nhanh chóng, phức tạp, khó lường
- Toàn cầu hoá kinh tế tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển.
- Cạnh tranh kinh tế - thương mại giữa các nước ngày càng gay gắt; các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, những tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp.

b) Hoàn cảnh trong nước

- Sau 20 năm đổi mới (1986 - 2006), thế và lực nước ta ngày càng lớn mạnh. Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững môi trường hoà bình tạo thêm nhiều thuận lợi cho sự nghiệp đổi mới, phát triển KT-XH với tốc độ nhanh hơn.
- Thuận lợi: Đất nước đã thoát khỏi chiến tranh, KT-XH có sự biến đổi cơ bản về toàn diện.
- Tuy nhiên, nước ta đứng trước nhiều thách thức lớn: Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu "Diễn biến hoà bình", gây bạo loạn lật đổ, hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

=> Vì vậy, Đại hội Đảng lần thứ X (2006) đã đánh giá khách quan tình hình, rút ra được những bài học kinh nghiệm tổng kết trong 20 năm đổi mới.

2. Nêu và phân tích bài học của 20 năm đổi mới (1986-2006)

Đại hội X đã rút ra 5 bài học lớn sau 20 năm đổi mới, tiếp thu sửa đổi để đưa đất nước phát triển mạnh mẽ hơn.

a. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

- Mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (CNXH) là lựa chọn đúng đắn của Đảng, Bác Hồ và nhân dân từ đầu thế kỷ XX. Hai mục tiêu này có quan hệ chặt chẽ, không thể tách rời. Độc lập dân tộc chỉ thực sự hoàn thiện khi đất nước phát

triển cường thịnh, không còn nguy cơ xâm lược, điều này chỉ đạt được khi xây dựng thành công CNXH.

- CNXH hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh – nơi con người được giải phóng khỏi bất công, áp bức. Việc kiên định mục tiêu này là quy luật của lịch sử, phù hợp với xu thế thời đại. Mọi con đường khác đều sai lệch, không thể chấp nhận.
- Trong bối cảnh đổi mới, xuất hiện nhiều yếu tố gây hoang mang. Những tác động này làm suy giảm niềm tin vào CNXH. Do đó, nhiệm vụ quan trọng là phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, không đổi mới mục tiêu, mà đổi mới cách thực hiện trên cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn vững chắc.
- Muốn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (CNXH), trước hết phải có lòng tin. Lòng tin được xây dựng từ nhận thức đúng đắn và thực tiễn cách mạng.
- Kiên định mục tiêu đòi hỏi bản lĩnh vượt qua khó khăn, thử thách trong cả thuận lợi lẫn gian khổ, đồng thời phải có tầm nhìn chiến lược và ý chí kiên cường. Phải kết hợp giữa tri thức và thực tiễn để cụ thể hóa mục tiêu qua từng bước đi. Kiên định không đồng nghĩa với bảo thủ mà phải gắn liền với đổi mới – đổi mới đúng hướng giúp làm rõ mục tiêu và tiến tới nhanh hơn.
- Để kiên định mục tiêu, cần dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh – nền tảng tư tưởng của cả dân tộc Việt Nam. Đảng phải gắn bó với nhân dân, nhận được sự đồng thuận của toàn dân thì mới giữ vững được mục tiêu. Sức mạnh của nhân dân là điều kiện quyết định để kiên định con đường cách mạng đã chọn.
- Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng từ khi thành lập đến nay, đặc biệt được củng cố và phát triển trong thời kỳ đổi mới. Đại hội VII (1991) đã chính thức xác định cả hai làm nền tảng tư tưởng, thể hiện sự phát triển trong nhận thức lý luận của Đảng. Đảng ta đã vượt qua giáo điều, nóng vội, từ đó từng bước vận dụng và phát triển lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với tình hình đất nước.
- Đổi mới không có nghĩa là từ bỏ nền tảng tư tưởng, mà cần bám chắc vào đó để xây dựng chủ nghĩa xã hội đúng đắn, đáp ứng nguyện vọng nhân dân. Việc vận dụng nền tảng tư tưởng này đòi hỏi sự sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam, tránh rập khuôn và cả nguy cơ bảo thủ hay sai lầm.
- Tư tưởng nền tảng không đóng kín, mà cần mở rộng giao lưu, tiếp thu có chọn lọc các thành tựu khoa học hiện đại để làm giàu tri thức và củng cố nền tảng tư tưởng.
- Cuối cùng, đổi mới phải luôn giữ vững lập trường tư tưởng, không rơi vào xét lại,

cơ hội, thực dụng, nhưng cũng phải nhạy bén, tinh táo và sáng tạo để thích ứng với thực tiễn đổi mới liên tục. Đây là con đường mà cách mạng Việt Nam đang kiên định tiến lên.

=> Đây cũng là nguyên tắc cốt lõi, xuyên suốt của Đảng và nhà nước ta thể hiện lập trường nhất quán, không dao động trước những biến động phức tạp của thế giới.

b. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp

- Phải đổi mới từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị.
- Đổi mới tất cả các mặt của đời sống xã hội nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm, có những bước đi thích hợp; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa ba nhiệm vụ: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội.
- Trong đó, đổi mới kinh tế là trọng tâm ban đầu, đồng thời cần từng bước đổi mới chính trị với sự cân nhắc thận trọng, tránh vội vàng hay chậm trễ gây mất ổn định.
- Đổi mới chính trị gắn với chỉnh đốn Đảng, cải cách bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị, song song với phát triển kinh tế và văn hóa.
- Đổi mới phải dựa trên hiểu biết thực tiễn, hướng tới giải quyết nhu cầu của người dân, kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, tạo cơ hội phát triển cho mọi người.

c. Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới

- Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân.
- Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân có vai trò quan trọng trong việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng.
- Dựa vào nhân dân, xuất phát từ thực tiễn và thường xuyên tổng kết thực tiễn, phát hiện nhân tố mới, từng bước tìm ra quy luật phát triển, đó là chìa khóa của thành công.

d. Phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới

- Phát huy nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển

- Đồng thời coi trọng huy động các nguồn ngoại lực, thông qua hội nhập và hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát huy nội lực mạnh hơn, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững, trên cơ sở giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa.
- e. **Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân**
 - Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là khâu then chốt, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới.
 - Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là yêu cầu bức thiết của xã hội.
 - Nhà nước phải thể chế hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

3. Ý nghĩa đại hội Đảng X (2006)

a. Ý nghĩa

Đại hội Đảng lần thứ X thông qua các văn kiện chính trị quan trọng đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho giai đoạn mới, thể hiện qua chủ đề: *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”*.

Đại hội đảng lần thứ X là dấu mốc quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các văn kiện được thông qua tại Đại hội là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân với quyết tâm đổi mới, phát triển nhanh và bền vững hơn trong thời kỳ tới.

b. Nhận xét:

Dựa vào những bài học lớn đó, tiếp tục phát triển và hoàn thiện đường lối, quan điểm, định ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước.

Chương 3: (1975 -nay)

Chủ đề 38: Phân tích những *phương hướng* cơ bản xây dựng CNXH ở Việt Nam của Cương lĩnh năm 2011 được Đại hội XI (1/2011) thông qua.

1/Hoàn cảnh lịch sử ĐH Đảng lần thứ XI (2011)

a/ Thế giới:

- Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ diễn biến phức tạp.
- Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu xảy ra nghiêm trọng trên toàn thế giới.

b/ Trong nước:

- Cả nước vừa kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long-Hà Nội với những thành tựu quan trọng nhưng còn nhiều yếu kém cần được khắc phục.
 - Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hoà bình”.
- => Chính trong bối cảnh đầy thách thức nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội ấy, Đại hội Đảng lần thứ XI đã đề ra những phương hướng quan trọng nhằm tiếp tục xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đưa đất nước vững bước trên con đường đổi mới và hội nhập.

2 /Nêu và PHÂN TÍCH các *PHƯƠNG HƯỚNG* cơ bản xây dựng CNXH ở Việt Nam do Cương lĩnh ĐH Đảng lần thứ XI(2011) đề ra.

Cương lĩnh năm 2011 chỉ rõ **8 PHƯƠNG HƯỚNG** cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

a. Một là, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.
- Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới.
- Bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.
- Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất và tiêu dùng sạch. coi trọng nghiên cứu, dự báo, thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên.

b. Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.
- Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.
- Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

c. Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- Phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc.
- Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.
- Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, là chủ thể phát triển.
- coi phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển.
- Kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ; khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào lao động; thiết lập hệ thống đồng bộ, đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội; hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

d. Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội

- Chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.
- Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân.
- Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.
- Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

e. Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

- Đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết trong đối ngoại.
- Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh
- Từ “sẵn sàng là bạn”, “chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế” chúng ta chuyển sang phương châm “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” và “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế” tức là công tác đối ngoại ngày càng toàn diện hơn. “Đối ngoại nhân dân” được thay bằng “Ngoại giao nhân dân”.
- Giữ vững nguyên tắc chiến lược, mềm dẻo trong sách lược bằng những biện pháp, hình thức linh hoạt, sáng tạo, tranh thủ điểm tương đồng, hạn chế bất đồng, giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hòa bình.

f. Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.
- Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.
- Coi dân chủ XHCN như một phương hướng cơ bản xây dựng CNXH.
- Gắn xây dựng dân chủ XHCN với thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất.
- Đại đoàn kết toàn dân tộc được mở rộng trên cơ sở “cộng đồng Việt Nam” rộng hơn trước kia trên cơ sở các “dân tộc trong nước”.

- Lấy điểm tương đồng về mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

g. Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

- Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa
- Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.
- Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.
- Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

h. Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

- Khẳng định và kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Bản chất của Đảng không chỉ đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động mà còn của cả dân tộc.
- Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn
- Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

3/Nhận xét chung về tác dụng của việc đề ra các phương hướng trên và ý nghĩa lịch sử của Đại hội Đảng lần thứ XI(2011)

- **Nhận xét chung:** Các phương hướng cơ bản trong Cương lĩnh Đại hội XI (2011) đã định hướng rõ ràng con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, kết hợp giữa đổi mới tư duy lý luận và thực tiễn cách mạng. Cương lĩnh góp phần củng cố ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện thể chế, mở rộng hội nhập quốc tế và nâng cao vị thế quốc gia. Đây là bước phát triển quan trọng về đường lối, thể hiện tầm nhìn chiến lược và bản lĩnh lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới.
- **Ý nghĩa lịch sử của Đại hội Đảng lần thứ XI:** Đại hội Đảng lần thứ XI đã định hướng cho toàn Đảng, toàn dân tiếp tục phát huy sức mạnh đoàn kết, đẩy mạnh

toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; đến giữa thế kỉ XXI nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

CHƯƠNG 3 - CHỦ ĐỀ 39:
PHÂN TÍCH NHỮNG THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÌ
CNXH DO ĐẢNG KHỞI XƯỚNG VÀ LÃNH ĐẠO (2021 - ĐH XIII của Đảng)

1. Hoàn cảnh lịch sử

a) Hoàn cảnh quốc tế:

- Đại dịch COVID-19 bùng phát toàn cầu từ đầu năm 2020, gây ra khủng hoảng y tế, kinh tế và xã hội nghiêm trọng.
- Sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, đặc biệt là Mỹ - Trung, dẫn đến biến động trong cấu trúc địa chính trị toàn cầu.
- Chủ nghĩa bảo hộ, xung đột thương mại và chính sách “nội địa hóa” gia tăng tại nhiều nước, ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu, gián đoạn chuỗi cung ứng, lạm phát và tăng trưởng chậm tại nhiều nền kinh tế lớn.
- Các vấn đề biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, chuyển đổi số và phát triển bền vững trở thành xu hướng toàn cầu và thách thức lớn.

b) Hoàn cảnh trong nước:

★ *Thuận lợi:*

- Sau 35 năm đổi mới, Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình, có vị thế và uy tín ngày càng cao trên trường quốc tế.
- Kinh tế tăng trưởng khá ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện, an ninh - quốc phòng được giữ vững.
- Hệ thống chính trị được củng cố, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy.

★ *Khó khăn:*

- Nền kinh tế vẫn phụ thuộc vào vốn đầu tư nước ngoài, công nghệ chưa cao, năng suất lao động thấp.
- Tham nhũng, lãng phí, suy thoái đạo đức trong một bộ phận cán bộ vẫn là vấn đề nhức nhối.
- Khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch phát triển giữa các vùng còn lớn.
- Tác động nặng nề của **đại dịch COVID-19** từ năm 2020 khiến kinh tế suy giảm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân.

=> *Vì vậy trải qua thời gian dài, công cuộc đổi mới vì CNXH do Đảng khởi xướng và lãnh đạo đã đạt được nhiều thành tựu to lớn tuy nhiên vẫn còn tồn tại một vài hạn chế cần khắc phục.*

2. Thành tựu của công cuộc đổi mới vì CNXH (2021 - ĐH XIII của Đảng)

a) Kinh tế:

- Kinh tế giảm bớt khó khăn, từng bước phát triển. ĐH XIII nêu rõ “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển, kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được đảm bảo, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá cao, quy mô và tiềm lực kinh tế tăng lên, chất lượng tăng trưởng được cải thiện”
- Mặc dù gặp phải đại dịch Covid-19 và thiên tai, bão lũ liên tiếp xảy ra ở các tỉnh miền Trung, nhưng tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 2016 - 2020 vẫn đạt khoảng 6%/năm (riêng 2020 GDP tăng trưởng đạt 2,91% - mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới).
- Quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người tăng lên: năm 2020 - GDP đạt 271,2 tỷ USD và thu nhập bình quân đầu người 2,779 USD). Năng suất lao động tăng từ 4,3%/năm (2011-2015) lên khoảng 6%/năm (2016-2020).

b) Về mặt chính trị và pháp luật:

- Khi tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng đã kết hợp ngay từ đầu đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị. Hệ thống chính trị không ngừng được xây dựng củng cố vững mạnh.
- “Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố; dân chủ xã hội chủ nghĩa tiếp tục được phát huy”.
- Tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân theo Hiến pháp năm 2013, gắn quyền công dân với nghĩa vụ, trách nhiệm công dân đối với xã hội.
- Chú trọng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là ở cơ sở. “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ, tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục được hoàn thiện, hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn; bảo đảm thực hiện đồng bộ, các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”.
- “Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả rõ rệt”. Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị, về tư tưởng, về đạo đức, về tổ chức và cán bộ.
- Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được chỉ đạo tập trung, quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, có nhiều đổi mới, có hiệu lực, hiệu quả.

c) Giáo dục

- Một thành tựu rất quan trọng trong công cuộc đổi mới “Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiếp tục được đổi mới và có bước phát triển”.
- Chú trọng đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập. Chất lượng giáo dục đại học từng bước được nâng cao.
- Coi trọng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

d) Văn hóa – Xã hội:

- “Phát triển văn hóa, xã hội, con người đạt nhiều kết quả quan trọng”. Nhận thức về văn hóa, xã hội, con người ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn.
- Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Văn hóa trong chính trị và kinh tế bước đầu được coi trọng và có hiệu quả tích cực.
- “Phát triển toàn diện con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược kinh tế - xã hội”; xây dựng cái tốt, cái thiện; đồng thời phê phán, đấu tranh chống cái xấu, cái lạc hậu.
- Chính sách xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo, được thực hiện hiệu quả và hoàn thiện đồng bộ. Bảo đảm cơ bản an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội cho người dân; tiếp tục cải thiện chính sách lương, mở rộng bảo hiểm xã hội, tỷ lệ bảo hiểm y tế đạt trên 90%.
- Đời sống nhân dân cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3%, hoàn thành mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc.

e) Quốc phòng – An ninh:

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với quốc phòng, an ninh và lực lượng vũ trang.
- Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.
- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.
- Kết hợp có hiệu quả quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- “Đã ban hành và triển khai đồng bộ các chiến lược quan trọng, như: Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia và Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, v.v.”.

f) Đối ngoại:

- “Quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục mở rộng và đi vào chiều sâu, tạo khung khổ quan hệ ổn định và bền vững với các đối tác”.
- Chủ động tham gia xây dựng các nguyên tắc, chuẩn mực trong các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu; xử lý đúng đắn, hiệu quả quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và đối tác khác.

3. Hạn chế của công cuộc đổi mới vì CNXH (2021 - ĐH XIII của Đảng)

a) Hạn chế:

- Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn chậm, chưa tạo được chuyển biến căn bản về mô hình tăng trưởng; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao
- Đổi mới giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa thực sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội
- Lĩnh vực văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường chưa có nhiều đột phá, hiệu quả chưa cao
- Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt bất cập
- Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa có mặt, có nơi chưa được phát huy đầy đủ
- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới
- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng còn một số hạn chế

b) Nguyên nhân:

- Nhận thức về một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước còn chưa sâu sắc, thiếu thống nhất, do vậy một số công việc triển khai thiếu kiên quyết, còn lúng túng.
- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục; năng lực cụ thể hoá, thể chế hoá chủ trương, nghị quyết còn hạn chế, năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, làm cho nghị quyết, pháp luật chậm được thực hiện và hiệu quả thấp.
- Nhiều hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cấp uỷ, chính quyền và đội ngũ cán bộ, đảng viên ở một số nơi chậm được khắc phục; trách nhiệm người đứng đầu chưa thực sự được đề cao.
- Nhận thức, triển khai đổi mới tổ chức bộ máy một số cơ quan Trung ương và địa phương chưa đều, chưa thật đồng bộ, công tác cán bộ còn có mặt hạn chế.

4. Nhận xét, ý nghĩa

- Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn và từng bước được hiện thực hoá.
- Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước.
- Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế

phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

CHƯƠNG 3 (1975 ĐẾN NAY)

Chủ đề 40. Phân tích những kinh nghiệm chủ yếu của công cuộc đổi mới vì CNXH của Đảng. (Đại hội XIII - 2021)

1) Hoàn cảnh Đại hội

a) Thế giới:

* Thuận lợi: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tiếp tục diễn ra mạnh mẽ hơn, mở ra không gian phát triển mới rộng lớn và cả những thách thức mới cho con người, mỗi quốc gia, cộng đồng và mỗi cá nhân.

* Khó Khăn:

- Đang trải qua những chuyển biến rất nhanh, phức tạp, khó lường. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra gay gắt so với các giai đoạn trước.
- Đại dịch COVID-19 bùng nổ theo cách thức khó ai lường trước được và gây ra những hậu quả, thiệt hại chưa từng có.

b) Trong nước:

* Thuận lợi: Thời điểm Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, mục tiêu và nhiệm vụ đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, đạt được nhiều thành quả rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều ấn tượng nổi bật, có ý nghĩa lịch sử của 35 năm đổi mới.

* Khó khăn: Trong bối cảnh đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen, nhiều vấn đề chiến lược mới đặt ra cần phải giải quyết.

→ Vì vậy Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII diễn ra đã đưa ra một số bài học kinh nghiệm trong công cuộc đổi mới vì CNXH của Đảng.

2) Những kinh nghiệm chủ yếu của công cuộc đổi mới vì CNXH của Đảng tại Đại hội XIII (chọn ra 1 bài học tâm đắc để ptích dài nhất)

a) Bài học kinh nghiệm thứ nhất: về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng (bài học tâm đắc)

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; thường xuyên củng cố, tăng cường đoàn kết trong Đảng và hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm các nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện; hoàn thiện cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác cán bộ phải thực sự là “then chốt của then chốt”, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

→ Điểm mới của bài học này so với các đại hội trước là xác định xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện: Chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nhấn mạnh xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện; nhấn mạnh hoàn thiện cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực; nhấn mạnh yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược.

b) Bài học kinh nghiệm thứ hai: về nhân dân

- Trong mọi vấn đề phải quán triệt quan điểm "dân là gốc", kiên trì thực hiện phương châm "dân biết, dân làm, dân kiểm tra". Nhân dân là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân. Lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.
- Thắt chặt quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân. củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ XHCN.

c) Bài học kinh nghiệm thứ ba: về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện:

- Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện, Đại hội xác định: Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, có bước đi phù hợp, phát huy mọi nguồn lực, động lực và tính ưu việt của chế độ xã hội; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn; đề cao trách nhiệm người đứng đầu gắn liền với phát huy sức mạnh đồng bộ của hệ thống chính trị, giữ vững kỷ cương; coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; thực hiện tốt sự phối, kết hợp trong lãnh đạo, quản lý, điều hành; coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế; tạo đột phá để phát triển.
- Điểm mới của bài học này là trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, có bước đi phù hợp; coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế.

d) Bài học kinh nghiệm thứ tư: về thể chế và giải quyết các mối quan hệ

- Ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, đảm bảo hài hòa giữa kế thừa và đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và chính trị, văn hóa, xã hội; giữa tuân theo các quy luật thị trường và đảm bảo định hướng XHCN; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người; giữa phát triển KT-XH với đảm bảo QP-AN, độc lập, tự chủ.
- Tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế
- Coi trọng, phát huy hiệu quả vai trò giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ phát triển đất nước

→ Điểm mới: nhấn mạnh tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển (toàn diện cả kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại).

e) Bài học kinh nghiệm thứ năm: về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

- Chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ. Kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đi đôi với giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường.
- Xử lý đúng đắn, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn và các nước láng giềng. Đánh giá đúng xu thế, nắm bắt đúng thời cơ. Phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp của đất nước kết hợp sức mạnh của thời đại. Khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

3) Nhận xét, ý nghĩa và tác dụng

a. Nhận xét

- Phát huy những kết quả và bài học kinh nghiệm sẵn có, và trong mỗi bài học kinh nghiệm, đại hội đều có những nhận thức mới.
- Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa các công cuộc đổi mới, tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn, thách thức.

b. Tác dụng

- Việc rút ra bài học kinh nghiệm sẽ hạn chế được những sai lầm đã mắc phải và giúp Đảng có hướng đi đúng đắn hơn
- Vạch ra những kế hoạch phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới

c. Ý nghĩa

- Đại hội được xem là Đại hội chuyển giao thế hệ. Đánh dấu sự chuyển giao lãnh đạo của Đảng với việc bầu ra ban chấp hành Trung Ương mới và bầu ra chủ tịch nước mới.

- Đại hội thông qua các nghị quyết quan trọng về phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, đồng thời đề ra mục tiêu và nhiệm vụ quan trọng cho Đảng và đất nước trong thời gian tới.

CHƯƠNG III (Từ năm 1975 đến nay)

CHỦ ĐỀ 41: PHÂN TÍCH NHỮNG THẮNG LỢI TO LỚN, CÓ Ý NGHĨA THỜI ĐẠI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Hoàn cảnh đại hội Đảng lần thứ IX(2001)

Sau khi thực dân Pháp xâm lược, các phong trào yêu nước VN chống Pháp nổi lên nhưng đều thất bại, rơi vào tình trạng khủng hoảng về đường lối thực chất là thiếu một giai cấp tiên tiến lãnh đạo. Đồng chí Nguyễn ái quốc đã ra đi tìm đường cứu nước và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Kể từ khi ra đời năm 1930, với đường lối đúng đắn, Đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi to lớn trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng XHCN. Đại hội đại biểu đảng toàn quốc lần thứ IX (năm 2001) đã nêu lên ba mốc son chói lọi của cách mạng Việt Nam kể từ khi có đảng.

2. Những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa thời đại của Cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

a. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945

* Diễn biến sơ lược:

- Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930), Đảng đã lãnh đạo các phong trào cách mạng như cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh (1930-1931), phong trào dân chủ (1936-1939), và phong trào giải phóng dân tộc (1939-1945).
- Năm 1945, tận dụng thời cơ Nhật đầu hàng Đồng minh, Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh phát động tổng khởi nghĩa. Từ ngày 13 đến ngày 30 tháng 8 năm 1945, nhân dân cả nước nổi dậy giành chính quyền, đỉnh cao là tại Hà Nội, Huế, và Sài Gòn. Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

* Thành quả:

- Lật đổ chế độ thực dân Pháp và phát xít Nhật, xóa bỏ chế độ phong kiến hàng nghìn năm, giành độc lập dân tộc.
- Thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam, mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- Tạo tiền đề cho sự phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

* Ý nghĩa lịch sử:

- Là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc tiêu biểu, đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử Việt Nam, đưa dân tộc từ thân phận nô lệ lên làm chủ vận mệnh.

- Là thắng lợi đầu tiên của một đảng cộng sản mới 15 tuổi, lãnh đạo cách mạng thành công trong một nước thuộc địa, mở ra kỷ nguyên mới cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới.
- Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, sự đúng đắn của Cương lĩnh chính trị, và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

*** Nguyên nhân thắng lợi quan trọng nhất:**

- **Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng:** Đề ra Cương lĩnh đúng đắn, kết hợp đấu tranh giai cấp và dân tộc, huy động sức mạnh toàn dân qua Mặt trận Việt Minh, nắm bắt thời cơ (Nhật đầu hàng), dưới sự dẫn dắt tài tình của Hồ Chí Minh.

*** Bài học kinh nghiệm quan trọng nhất:**

- Nắm bắt thời cơ cách mạng, kết hợp lãnh đạo chiến lược với tổ chức thực tiễn, dựa vào sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Đảng cần vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin vào thực tiễn để đảm bảo thắng lợi.

b. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (1945-1975)

*** Diễn biến sơ lược**

- **Kháng chiến chống Pháp (1945-1954):** 2/9/1945 Việt Nam tuyên bố độc lập. 6/3/1946 ký Hiệp định Sơ bộ với Pháp để tạm hòa hoãn. 19/12/1946 toàn quốc kháng chiến bùng nổ. **Thu – Đông 1947** chiến thắng Việt Bắc, phá tan chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp. Đẩy mạnh chiến tranh du kích, mở rộng vùng giải phóng. **1950** thắng lợi Chiến dịch Biên giới, khai thông biên giới với Trung Quốc. Nhiều chiến dịch lớn tiêu diệt sinh lực địch, làm phá sản chiến lược quân sự của Pháp.

- + **Nguyên nhân thắng lợi quan trọng nhất :** Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đường lối toàn dân toàn diện lâu dài.
- + **Thành quả :** Chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp suốt gần một thế kỷ. Pháp phải rút quân khỏi Việt Nam và Đông Dương. Công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, trở thành hậu phương vững chắc cho cách mạng miền Nam. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.
- + **Ý nghĩa lịch sử :** Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, tạo tiền đề cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Khẳng định sức mạnh của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Là cơ sở vững chắc để tiếp tục sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Góp phần làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh. Khẳng định vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

- + **Bài học kinh nghiệm quan trọng nhất :** Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, kết hợp lực lượng chính trị - quân sự, tranh thủ ủng hộ quốc tế. Đảng cần duy trì tự phê bình và phê bình để đảm bảo đường lối đúng đắn.
- **Kháng chiến chống Mỹ (1954-1975):** Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), đất nước tạm thời chia cắt hai miền. Mỹ thay Pháp dựng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam. Nhân dân miền Nam đấu tranh chính trị chống chế độ Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng. **1960** phong trào Đồng khởi bùng nổ, mở đầu khởi nghĩa vũ trang rộng khắp. **1960** thành lập **Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam**. **1965** Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam, mở rộng chiến tranh ra miền Bắc (chiến tranh cục bộ). **1968** cuộc **Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân**, làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ. **1969** Hồ Chủ tịch qua đời, nhưng phong trào đấu tranh vẫn tiếp tục mạnh mẽ. **1972** cuộc tiến công chiến lược và chiến thắng **"Điện Biên Phủ trên không"** đánh bại cuộc tập kích bằng B-52 của Mỹ ở Hà Nội. **27/1/1973** ký **Hiệp định Paris**, Mỹ rút quân khỏi Việt Nam. **1973–1974** quân ta đẩy mạnh chiến tranh, giải phóng nhiều vùng rộng lớn. **4/1975** tiến hành Chiến dịch Hồ Chí Minh. **30/4/1975** giải phóng Sài Gòn, thống nhất đất nước, kết thúc chiến tranh.
 - + **Nguyên nhân thắng lợi quan trọng nhất :** Đường lối tiến hành đồng thời hai cuộc Cách mạng do Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III đề ra : Xây dựng CNXH ở miền Bắc làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp thống nhất đất nước. Phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng – an ninh. Biến miền Bắc thành hậu phương lớn cho cả nước.
 - + **Thành quả**
 - Đánh bại thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước.
 - Xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm hậu phương cho miền Nam.
 - Thống nhất đất nước, mở kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội.
 - + **Ý nghĩa lịch sử :**
 - Là biểu tượng của phong trào giải phóng dân tộc, góp phần sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ và mới.
 - Khẳng định sức mạnh chiến tranh nhân dân, nghệ thuật quân sự Việt Nam, và sự lãnh đạo tài tình của Đảng.
 - Truyền cảm hứng cho các dân tộc bị áp bức, đóng góp vào cách mạng thế giới.
 - + **Bài học kinh nghiệm quan trọng nhất**
 - Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, kết hợp lực lượng chính trị - quân sự, tranh thủ ủng hộ quốc tế. Đảng cần duy trì tự phê bình và phê bình để đảm bảo đường lối đúng đắn.
 - **Thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 :** Trải qua 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, thông qua các phương châm tác chiến phù hợp, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, một pháo đài mà thực dân Pháp khẳng định là “ pháo đài không lồ không thể công phá” và “bất khả xâm phạm”. Kết quả, bắt sống tướng De Castries, tiêu diệt và

bắt sống 16.200 tên địch, bắn rơi 62 máy bay, thu 64 ô tô và tịch thu toàn bộ vũ khí, đạn dược, quân trang quân dụng của địch. Giải phóng được nhiều vùng rộng lớn. Đã giáng một đòn mạnh, quyết định, đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava của Pháp.

- + **Nguyên nhân thắng lợi quan trọng nhất** : Sự lãnh đạo sáng suốt tài tình và đường lối sáng tạo đúng đắn của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tinh thần yêu nước nồng nàn và nghệ thuật quân sự truyền thống Việt Nam được kế thừa và phát triển lên tầm cao mới dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- + **Thành quả và ý nghĩa lịch sử** : Chiến thắng vang dội của quân dân Việt Nam được thế giới biết đến và cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các quốc gia thuộc địa. Cổ vũ tinh thần yêu nước, tự lực cánh sinh của các dân tộc bị áp bức trên thế giới, thúc đẩy phong trào chống thực dân. Khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế và nâng cao uy tín của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- + **Bài học kinh nghiệm quan trọng nhất** : Tinh thần tự lực cánh sinh, sáng tạo trong chiến tranh nhân dân và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

c. Thắng lợi của công cuộc đổi mới (từ 1986 đến nay)

* Diễn biến sơ lược

- Sau thống nhất (1975), Việt Nam đối mặt khủng hoảng kinh tế - xã hội do cơ chế kế hoạch hóa. Đại hội VI (12/1986) đề ra đổi mới, chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Các giai đoạn: cải cách kinh tế (1986-1996), công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996-2008), hội nhập quốc tế (2008-nay). Các chính sách: phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở cửa, xây dựng nhà nước pháp quyền.

* Thành quả

- Thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1996), trở thành nước thu nhập trung bình (2008).
- Đời sống nhân dân cải thiện, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được củng cố.
- Thiết lập quan hệ ngoại giao với 188 quốc gia, hội nhập tích cực vào cộng đồng quốc tế.
- Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với các đặc trưng: nhà nước pháp quyền, văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, con người phát triển toàn diện.

* Ý nghĩa lịch sử

- Chuyển Việt Nam từ nghèo nàn, lạc hậu thành quốc gia đang phát triển, nâng cao vị thế quốc tế.

- Khẳng định tính đúng đắn của đường lối đổi mới, khả năng vận dụng Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Đóng góp vào phong trào xây dựng chủ nghĩa xã hội, chứng minh tính ưu việt của con đường xã hội chủ nghĩa.

*** Nguyên nhân thắng lợi quan trọng nhất**

- Đường lối đổi mới toàn diện, sáng tạo của Đảng: Nhận thức đúng thực tiễn, khắc phục tư duy chủ quan, đề ra chính sách đổi mới kinh tế, chính trị, văn hóa, phù hợp quy luật thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa.

*** Bài học kinh nghiệm quan trọng nhất**

- Tôn trọng quy luật khách quan, kết hợp đổi mới kinh tế với ổn định chính trị, phát huy sáng kiến nhân dân, hội nhập quốc tế. Đảng cần xử lý tốt các mối quan hệ lớn: đổi mới - ổn định, kinh tế - văn hóa, độc lập tự chủ - hội nhập.

=> Nhìn lại những thắng lợi mà cách mạng Việt Nam đã đạt được, có thể thấy rõ vai trò cực kỳ quan trọng của Đảng trong mọi thắng lợi, và từ đó rút ra được nhiều bài học cũng như ý nghĩa sâu sắc.

3. Nhận xét và Ý nghĩa

a) Vai trò của Đảng

- Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.
- Với bản lĩnh chính trị, tầm nhìn chiến lược, và sự gắn bó với nhân dân, Đảng dẫn dắt đất nước vượt qua thử thách, từ giành độc lập đến xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Sự kiên định lý tưởng và tinh thần đổi mới giúp Đảng thích ứng với biến động thời đại, giữ vững độc lập và phát triển bền vững.

b) Ý nghĩa

- Các thắng lợi có ý nghĩa thời đại, truyền cảm hứng cho phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, và lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- củng cố niềm tự hào dân tộc, ý chí bảo vệ độc lập, và quyết tâm xây dựng đất nước giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Những thắng lợi trên có ý nghĩa không chỉ đối với dân tộc mà còn đối với quốc tế, tăng cường niềm tự hào dân tộc và quyết tâm bảo vệ độc lập của nhân dân Việt Nam.

Chương 3 (1975 - nay)

CHỦ ĐỀ 42: (BẢN THẢO): PHÂN TÍCH NHỮNG BÀI HỌC LỚN VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 2021

1. Hoàn cảnh Đại hội XIII (2021)

a) Hoàn cảnh thế giới

- Thế giới đang trải qua những chuyển biến rất nhanh, phức tạp, khó lường. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra gay gắt so với các giai đoạn trước. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tiếp tục diễn ra mạnh mẽ hơn, mở ra những không gian phát triển mới rộng lớn và cả những thách thức mới cho loài người, mỗi quốc gia, cộng đồng và mỗi cá nhân
- Đại dịch COVID-19 bùng nổ theo cách thức khó ai lường trước được và gây ra những hậu quả, hệ quả chưa từng có.

b) Hoàn cảnh trong nước

- Đại hội XIII diễn ra sau hơn 90 năm Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, hơn 75 năm sau khi thành lập nước và hơn 35 năm kể từ khi đổi mới.
- Những thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đặc biệt, trong 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

2. Nêu tên và phân tích các bài học lớn VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG với cách mạng Việt Nam 1930 đến 2021.

a) Bài học về nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung chủ đạo, xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là quan điểm nhất quán của Đảng, là vấn đề có tính chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi thành lập Đảng đến nay, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã được thực hiện với nội dung, hình thức, bước đi phù hợp với đặc điểm mỗi thời kỳ cách mạng, khơi dậy, phát huy sức mạnh của dân tộc và thời đại, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi to lớn của dân tộc Việt Nam.
- Trong giai đoạn cách mạng 1930 - 1945, độc lập dân tộc là nhiệm vụ trọng tâm trước hết, đấu tranh giành độc lập dân tộc là nội dung chủ đạo, được tiến hành theo

lập trường của giai cấp vô sản, chủ nghĩa xã hội chưa được đặt ra trực tiếp mà là phương hướng tiến lên

- Trong giai đoạn vừa kháng chiến, vừa kiến quốc 1945 - 1954, Đảng ta xác định chiến lược của cách mạng là bảo vệ độc lập dân tộc với tinh thần “Tổ quốc trên hết”, “Dân tộc trên hết”.
- Trong thời kỳ 1954 - 1975, Đảng chủ trương tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.
- Năm 1975, sau nhiều thập kỷ đấu tranh gian khổ, dân tộc Việt Nam đã giành lại trọn vẹn nền độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, mở ra thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc, thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh mới, những tiềm năng, lợi thế của hai miền đất nước được huy động, tập trung cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

b) Bài học về sự nghiệp cách mạng là của dân do dân và vì dân

- Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.
- Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; thắt chặt mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu, củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

c) Bài học về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh giành độc lập, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc

- Trên cơ sở đường lối đúng đắn mà tập hợp, đoàn kết lực lượng của toàn dân tộc phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đại đoàn kết là nguồn sức mạnh giúp dân tộc Việt Nam vượt qua những khó khăn, thử thách để dựng nước và giữ nước. Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam xuất phát từ nhận thức ngoài lợi ích của giai cấp, dân tộc và nhân dân, Đảng không có mục đích nào khác.
- Đảng chú trọng xây dựng các hình thức tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất để tập hợp đoàn kết rộng rãi mọi thành phần, lực lượng trong dân tộc, xã hội, đa dạng hóa các hình thức tổ chức tập hợp quần chúng, nêu cao vai trò các đoàn thể nhân

dân, các hội quần chúng, nghề nghiệp. Đường lối và bài học đại đoàn kết dân tộc của Đảng là sự kế thừa và phát triển truyền thống đoàn kết hình thành trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc

d) Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế

- Cương lĩnh, đường lối của Đảng ngay từ đầu đã tổ chức và động viên sức mạnh của dân tộc, coi cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới, tranh thủ sự ủng hộ của cách mạng thế giới. Trong Đường cách mệnh (1927) lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nêu rõ: "Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã". Trong cao trào giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn thể quốc dân hãy đứng lên đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Trong các cuộc kháng chiến lâu dài giành độc lập, thống nhất hoàn toàn, Đảng đã triệt để phát triển sức mạnh của dân tộc, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, đồng thời tranh thủ tối đa sự giúp đỡ, ủng hộ quốc tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi.
- Công cuộc đổi mới đòi hỏi Đảng nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, nâng cao bản lĩnh chính trị để đứng vững trước khó khăn, thử thách và kiên định con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, động viên cao độ nội lực. Mặt khác, tăng cường củng cố sự đoàn kết các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, kiên định lập trường của chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Đề ra và thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Đảng và Nhà nước cũng tranh thủ tối đa những vấn đề mới của thời đại: Hội nhập kinh tế quốc tế, toàn cầu hóa, thành quả của cách mạng khoa học, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của các nước tiên tiến, những vấn đề về kinh tế tri thức...

e) Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam

- Ngày 3/2/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã quyết định thống nhất các tổ chức cộng sản ở nước ta thành một Đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là một bước ngoặt lịch sử trọng đại, chấm dứt cuộc khủng hoảng kéo dài về tổ chức và đường lối của cách mạng Việt Nam.
- Từ đó đến nay, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đạt được nhiều thắng lợi quan trọng. Đó là thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 xóa bỏ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa

xã hội. Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Đến nay, Việt Nam đã trở thành một quốc gia có quy mô dân số gần 100 triệu người với mức thu nhập bình quân 2.800 USD/người; đã tham gia hầu hết các tổ chức quốc tế, trở thành một thành viên tích cực, có trách nhiệm trong các hoạt động của cộng đồng quốc tế.

- Quả thật, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 là một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam và thực tiễn cách mạng 90 năm qua đã chứng minh sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

3. Ý nghĩa lịch sử đại hội XIII(2021) và nhận xét

a) Ý nghĩa

Đại hội đánh dấu chặng đường 35 năm đổi mới đất nước, đánh dấu 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 và 10 năm Cương lĩnh (bổ sung phát triển năm 2011). Đặc biệt, Đại hội lần này cũng đánh dấu một năm vượt khó thành công trong việc thực hiện nhiệm vụ kép, vừa chống dịch COVID-19, vừa phát triển kinh tế của năm 2020.

b) Nhận xét

Đại hội lần thứ XIII của Đảng sẽ đặt ra mục tiêu không phải chỉ cho nhiệm kỳ 2021-2025 mà còn tầm nhìn xa hơn. Việt Nam sẽ phấn đấu đến năm 2025 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước, trở thành nước phát triển, thu nhập cao với GDP là 2.500 tỷ USD và thu nhập bình quân đầu người là 18.000 USD, hiện thực hóa khát vọng phồn vinh dân tộc.